

SỐ 3 - 2025

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

TS. Nguyễn Văn Phát
Chủ tịch Liên hiệp các Hội
Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

CN. Nguyễn Quốc Uy
Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội
Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

BAN BIÊN TẬP

ThS. Phạm Kim Tân
PGS. TS. Hoàng Thanh Hải
ThS. Nguyễn Quốc Tuấn
KS. Lê Xuân Dũng
CN. Hà Sĩ Thắng
ThS. Lê Thị Linh Mai

THƯ KÝ BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

ThS. Lê Thị Linh Mai

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT THANH HÓA

42 Lê Quý Đôn - Phường Hạc Thành
Tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: 02373.720.885
Fax: 02373.720.885
Website: www.tusta.org.vn
Email: khoa hoc thanh hoa@gmail.com

Ảnh bìa: Liên hiệp hội phối hợp với Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa tổ chức Hội thảo khoa học “Giải pháp xử lý môi trường trong sản xuất nông nghiệp và khu vực nông thôn và xây dựng ý thức chấp hành pháp luật của nông dân trong thực hiện cam kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm đã ký với các nhà máy, cơ sở chế biến nông sản”

TRONG SỐ NÀY

- 2** Lời Ban Biên tập
- 3** Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa tích cực triển khai nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện đột phá về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh
Nguyễn Văn Phát
- 7** Trường Đại học Hồng Đức sẵn sàng đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp bán dẫn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa
Đậu Bá Thìn và cộng sự
- 11** Một số kết quả hoạt động nổi bật của Hội KHKT Cầu đường Thanh Hóa trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh
Hoàng Văn Giáp
- 15** Những trăn trở về đô thị tỉnh Thanh Hóa khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp
Lê Đình Nam
- 19** Hội thơ Đường luật Thanh Hóa: 20 năm giữ gìn và phát huy nền văn hóa giàu bản sắc dân tộc
Phạm Xuân Quý
- 24** Tiềm năng phát triển cây keo tai tượng tại tỉnh Thanh Hóa
Trịnh Quốc Hùng và các cộng sự
- 28** Tin hoạt động
Ban Biên tập
- 32** Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sen trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
Lê Thị Dung
- 35** Quốc hiệu và tên thủ đô Việt Nam qua các thời kỳ
Huy Hoàng
- 39** Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử
Nguyễn Thị Thu Hà
- 44** Tinh thần quật cường của phụ nữ Việt Nam
Nguyễn Văn Toàn
- 47** Di sản Phật giáo ở Thanh Hóa nhìn từ lễ hội
Nguyễn Thị Quế
- 51** Văn hóa ẩm thực trà Việt
Nguyễn Tấn Tuấn
- 53** Phòng thờ trong gia đình Việt
Lê Huy Việt
- 57** Những thắng tích tiêu biểu của xứ Thanh
Mạnh Hà

Kỷ niệm

31 năm Ngày thành lập

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT THANH HÓA

28/10/1994 - 28/10/2025

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá (Liên hiệp hội) được thành lập theo Quyết định số 483 TC/UBTH ngày 12/4/1994 của UBND tỉnh Thanh Hoá. Ngày 28/10/1994, tại Trung tâm hội nghị 25B của tỉnh, Đại hội thành lập Liên hiệp hội được tổ chức trọng thể. Kể từ đó đến nay, ngày 28/10 hằng năm được lấy làm ngày kỷ niệm thành lập Liên hiệp hội. Sự ra đời của Liên hiệp hội đã đáp ứng được nguyện vọng chính đáng của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ (KH&CN) Thanh Hoá là mong muốn có một tổ chức để tập hợp, đoàn kết, phát huy trí tuệ, sức sáng tạo của đội ngũ trí thức KH&CN tham gia đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh và hạnh phúc.

Trải qua 31 năm xây dựng và phát triển, được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ tỉnh; sự hỗ trợ, phối hợp của Hội đồng Trung ương Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, của các ban, ngành, đoàn thể các cấp; sự đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của cán bộ, hội viên trong hệ thống tổ chức, Liên hiệp hội đã tích cực tham gia vào các hoạt động của đời sống chính trị - xã hội; thực hiện tốt chức năng tập hợp, đoàn kết rộng rãi đội ngũ trí thức KH&CN trong tỉnh với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, nội dung hoạt động từng bước được đổi mới, là nhân tố quan trọng trong liên minh "Công nhân - Nông dân - Trí thức", thành viên của MTTQ Việt Nam tỉnh Thanh Hóa và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, góp phần tích cực, ngày càng hiệu quả vào sự nghiệp phát triển tỉnh nhà, từng bước khẳng định được vị trí, vai trò là tổ chức chính trị - xã hội của đội ngũ trí thức KH&CN Thanh Hoá.

Chặng đường những năm tiếp theo, Liên hiệp hội sẽ không ngừng đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động; thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao; tiếp tục nâng cao hơn nữa đóng góp của Liên hiệp hội đối với sự phát triển của tỉnh Thanh Hóa trên mọi lĩnh vực.

**BAN BIÊN TẬP
KHOA HỌC THANH HÓA**

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa tích cực triển khai nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện đột phá về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh

TS. Nguyễn Văn Phát

Chủ tịch

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST & CDS) không còn là xu hướng, mà trở thành yêu cầu tất yếu đối với sự phát triển bền vững. Nhận thức rõ điều đó, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh (Liên hiệp hội) đã



Chủ tịch Liên hiệp hội Nguyễn Văn Phát phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị tập huấn Bình dân học vụ số.

bám sát các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thanh Hóa, kịp thời ban hành kế hoạch triển khai, cụ thể hóa nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết

số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST&CDS quốc gia (Nghị quyết); Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 266-KH/

KHOA HỌC THANH HÓA

TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Các kết quả thực hiện:

Một là, Liên hiệp hội đã tổ chức các hội nghị, hội thảo tuyên truyền, quán triệt sâu rộng nội dung cốt lõi, tầm quan trọng và mục tiêu đột phá của Nghị quyết đến lãnh đạo các hội thành viên, các trung tâm trực thuộc, đơn vị liên kết, thông qua đó, từng bước triển khai trong toàn hệ thống Liên hiệp hội để triển khai sâu rộng đến hội viên, trí thức KH&CN trong tỉnh. Các hoạt động của hệ thống Liên hiệp hội được thông tin trên Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, tập san Khoa học Thanh Hóa và trang thông tin điện tử của Liên hiệp hội, hệ thống thông tin của các hội thành viên, mạng xã hội... đã góp phần tăng cường truyền thông về vai

trò, vị trí của KHCN, ĐMST&CDS trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo sự đồng thuận và hưởng ứng của hội viên, đội ngũ trí thức KH&CN và tác động tích cực đến cộng đồng. Theo báo cáo của các hội thành viên và các đơn vị liên kết, nhờ hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức mà nhận thức của lãnh đạo, hội viên, trí thức KH&CN, nhà khoa học trong hệ thống Liên hiệp hội và người dân đã được nâng lên rõ rệt, từng bước chuyển thành hành động cụ thể trong thực hiện Nghị quyết ngày càng rõ nét hơn.

Hai là, phát huy vai trò tư vấn, phản biện và giám định xã hội, Liên hiệp hội đã chủ động tích cực phối hợp, bám sát các sở, ngành, đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chuẩn bị các chương trình, đề án, dự án nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính



Liên hiệp hội tổ chức Hội thảo khoa học phản biện “Đề án mở ngành đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp bán dẫn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”.

sách lớn của tỉnh liên quan đến KH&CN, ĐMST&CDS, đặc biệt là các lĩnh vực mũi nhọn của địa phương (như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp, du lịch thông minh, phát triển đô thị thông minh...); kịp thời tổ chức hoạt động phản biện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao đảm bảo chất lượng, kịp tiến độ để cơ quan soạn thảo tiếp thu, hoàn thiện trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt và tổ chức thực hiện đảm bảo tính khả thi và hiệu quả cao nhất. Liên hiệp hội đã chủ động phối hợp với Sở KH&CN, các đơn vị có liên quan đóng góp ý kiến, đề xuất với cấp ủy, chính quyền các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo, thu hút nhân tài KH&CN và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trên địa bàn tỉnh. Từ khi triển khai Nghị quyết đến nay, Liên hiệp hội đã tập hợp được đội ngũ trí thức, nhà khoa học, nhà quản lý tham gia phản biện và hoàn thành 3 nhiệm vụ được UBND tỉnh giao là các đề án: Phát triển Viện Nông nghiệp Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030; Đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp bán dẫn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chính sách thu hút bác sĩ trình độ cao và bác sĩ làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030. Các đề án, chính sách trên đang được Viện Nông nghiệp, Trường Đại học Hồng Đức, Sở Y tế nghiên cứu tiếp thu và hoàn thiện để sớm trình UBND, Chủ tịch UBND tỉnh và HĐND tỉnh xem xét quyết định.

Ba là, thúc đẩy các hoạt động KH&CN theo hướng ĐMST&CDS: Ngay từ khi bắt đầu triển khai Nghị quyết, Liên hiệp hội đã chủ động phối hợp với Trường Đại học Hồng Đức, Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan, các tổ chức KH&CN tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn KH&CN

nhằm phát hiện các vấn đề mới trong việc kết nối cung - cầu công nghệ; làm cầu nối hiệu quả giữa các nhà khoa học, viện nghiên cứu, trường đại học (nguồn cung công nghệ) với doanh nghiệp, hợp tác xã (nhu cầu ứng dụng) tại địa phương để xác định các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh cần triển khai. Tổ chức diễn đàn khoa học “Đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp bán dẫn” giúp cho Trường Đại học Hồng Đức xây dựng luận cứ tham mưu cho UBND tỉnh. Liên hiệp hội đã chủ động phối hợp với Sở KH&CN và các cơ quan có liên quan tham gia đóng góp ý kiến vào quá trình chuẩn bị văn bản tham mưu của Sở KH&CN, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết, nhất là các nhiệm vụ liên quan đến việc triển khai thực hiện của Liên hiệp hội. Chính vì vậy, nhiệm vụ được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao trong các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết cho Liên hiệp hội được cụ thể, rõ ràng.

Liên hiệp hội thường xuyên quan tâm và xác định nhiệm vụ nâng cao chất lượng hoạt động của các hội thành viên chuyên ngành, thu hút thêm các chuyên gia, trí thức trẻ, doanh nhân tham gia vào công việc của Liên hiệp hội. Đề xuất khen thưởng, tôn vinh kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu, ứng dụng KH&CN và ĐMST, tạo động lực cho phong trào thi đua, nổi bật nhất là vinh danh trí thức đạt danh hiệu “Trí thức tiêu biểu tỉnh Thanh Hóa” và “Trí thức tiêu biểu trong hệ thống Liên hiệp hội”. Phối hợp với Trường Đại học Hồng Đức, Hội Tin học tỉnh tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kiến thức chuyên sâu về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ mới cho hội viên và cộng đồng. Cụ thể trong năm 2025, đã tổ chức 2 lớp “Bình dân học vụ số” cho gần 300 hội viên, trí thức KH&CN.

Một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong toàn hệ thống Liên hiệp hội và đội ngũ trí thức KH&CN về vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc phát triển KHCN, ĐMST&CDS. Tập hợp phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức KH&CN trong và ngoài tỉnh để thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa kết quả KHCN. Triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số cho trí thức KH&CN trong hệ thống Liên hiệp hội và người dân trên địa bàn tỉnh.

Hai là, đẩy mạnh công tác tập hợp, phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức KH&CN, chuyên gia, nhà khoa học trong tỉnh; đồng thời, mời các chuyên gia, nhà khoa học thuộc các hội ngành, cơ quan trung ương tham gia tư vấn, phản biện, giám định các nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh giao, như: (i) Cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực tư nhân tiếp cận chính sách phát triển KHCN, đầu tư cho KHCN và ĐMST; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, thúc đẩy ứng dụng KHCN vào sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. (ii) Chính sách đột phá hỗ trợ phát triển KHCN và ĐMST (phát triển doanh nghiệp KH&CN; phát triển nhóm nghiên cứu mạnh; các bài báo khoa học (Scopus/ISI); các công trình đạt giải thưởng KH&CN quốc gia/khu vực; các công bố khoa học quốc tế; các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; các sáng chế, giải pháp hữu ích; các bài báo khoa học ứng dụng liên quan ĐMST,...). (iii) Đề án “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thực hiện khâu đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX”. (iv) Đề án “Ứng dụng các giải pháp về chuyển đổi số, mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá”.

(v) Đề án “Sàn giao dịch công nghệ - thiết bị tính”. (vi) Đề án “Thư viện số tỉnh Thanh Hóa”. (vii) Đề án “Chuyển giao, ứng dụng kỹ thuật cao, kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh”. (ix) Đề án “Thành lập Trung tâm tư vấn, chuyển giao khoa học và công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa”.

Ba là, tổ chức tốt Hội thi Sáng tạo kỹ thuật và Giải thưởng KHCN nhằm thúc đẩy các hoạt động sáng tạo kỹ thuật, áp dụng hiệu quả vào sản xuất và đời sống, tạo nên phong trào thi đua lao động sáng tạo sôi nổi, rộng khắp trong cán bộ, hội viên, đội ngũ trí thức và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

Bốn là, tăng cường kết nối với Liên hiệp Hội Việt Nam và Liên hiệp hội các tỉnh, thành phố khác để trao đổi kinh nghiệm về triển khai Nghị quyết. Chủ động tìm kiếm và huy động các nguồn lực xã hội (từ doanh nghiệp, tổ chức quốc tế,...) để tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KHCN và ĐMST trên địa bàn tỉnh.

Năm là, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ: Làm cầu nối hiệu quả giữa các nhà khoa học, viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp, hợp tác xã tại địa phương. Các hoạt động hỗ trợ như: tổ chức các lớp tập huấn, tư vấn chuyên sâu về CDS, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất và đời sống; phối hợp với các trường đại học thúc đẩy ươm tạo và hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST dựa trên nền tảng công nghệ và CDS.

Phát huy kết quả đạt được, với kinh nghiệm trong những năm qua, thời gian tới, Liên hiệp hội sẽ tiếp tục có những đóng góp tích cực trực tiếp vào việc triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST&CDS quốc gia; đóng góp vào sự phát triển của tỉnh nhà trong những năm đầu của kỷ nguyên mới - “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC SẴN SÀNG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHIỆP BÁN DẪN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH THANH HÓA

PGS.TS. Đậu Bá Thìn - Phó Hiệu trưởng
PGS.TS. Phạm Thế Anh - Trưởng Khoa Kỹ thuật, CN&TT
Trường Đại học Hồng Đức

Trong bối cảnh toàn cầu, công nghiệp bán dẫn được coi là “xương sống” của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số. Thị trường bán dẫn toàn cầu đang trên đà tăng trưởng mạnh. Dự báo đến năm 2030, quy mô thị trường bán dẫn toàn cầu sẽ đạt 1.000 tỷ USD¹. Tuy nhiên, ngành này đang phải đối mặt với thách thức lớn về nguồn nhân lực và chuỗi cung ứng. Để đón đầu xu hướng chuyển dịch và cơ hội đầu tư, việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết, trong đó có đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp

bán dẫn được coi là yếu tố “then chốt của then chốt”.

Ở Việt Nam, ngành công nghiệp bán dẫn hiện đang được đặc biệt chú trọng phát triển, với nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và tay nghề cao. Trong bối cảnh đó, việc đào tạo nhân lực thuộc lĩnh vực vi mạch bán dẫn trình độ đại học là hết sức cần thiết, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động trong nước và quốc tế.

Tại các tỉnh như Thanh Hóa, nơi đang tập trung phát triển các khu công nghiệp và cơ sở hạ tầng công nghệ cao, nhu cầu về nhân lực trong ngành Công nghiệp bán dẫn sẽ gia tăng mạnh trong thời gian tới. Đặc biệt, việc xây dựng và triển khai đào tạo các ngành học tiên tiến về trí tuệ nhân tạo, công nghiệp bán dẫn,... tại Trường Đại học Hồng Đức không chỉ góp phần đáp ứng nhu cầu của thị trường lao



*Nhà trường ký kết biên bản hợp tác với Viện Khoa học và Công nghệ,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.*

động, mà còn đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trước yêu cầu cấp thiết đó, Trường Đại học Hồng Đức đã mở ngành Khoa học vật liệu với chương trình đào tạo chuyên sâu về Kỹ thuật vi điện tử và Công nghệ bán dẫn và bắt đầu tuyển sinh từ năm học 2025 - 2026.

Định hướng chiến lược từ Trung ương đến địa phương

Trong Chương trình “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050”², Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh quan điểm, đào tạo nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn là “đột phá của đột phá” trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, được ưu tiên hàng đầu, được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù, đột phá, cạnh tranh ưu đãi đầu tư...

Đây không chỉ là yêu cầu cấp thiết để bắt kịp xu hướng công nghệ toàn cầu, mà còn là bước đi chiến lược nhằm xây dựng vị thế của

Việt Nam trong chuỗi giá trị của ngành công nghiệp này.

Với tinh thần chủ động, quyết tâm cao và có kế hoạch trong việc đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp bán dẫn, Thanh Hóa đang sẵn sàng biến các tiềm năng thành lợi thế, nhằm đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp công nghệ trong bối cảnh hội nhập sâu rộng. Ngày 05/4/2024, Tỉnh ủy Thanh Hóa đã có Kết luận số 2709-KL/TU trong đó đã xác định một các nhiệm vụ là “chỉ đạo Trường Đại học Hồng Đức xây dựng Đề án đào tạo nhân lực về công nghệ bán dẫn, phục vụ phát triển kinh tế của tỉnh”³; trên cơ sở này, UBND tỉnh Thanh Hóa đã giao cho Nhà trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tập trung xây dựng đề án đào tạo nguồn nhân lực về công nghiệp bán dẫn, phục vụ phát triển kinh tế của tỉnh⁴.

Trong Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày



Nhà trường làm việc với Trường Vật liệu - Đại học Bách Khoa Hà Nội về chương trình đào tạo công nghệ bán dẫn.

22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi quốc gia, Trường Đại học Hồng Đức tiếp tục được giao chủ trì xây dựng Đề án mở ngành đào tạo nguồn nhân lực công nghệ bán dẫn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, định hướng đến năm 2045. Đây là một nhiệm vụ lớn, mang tính chiến lược trong công tác phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

Chương trình đào tạo tiên tiến, hội nhập quốc tế

Một trong các nhiệm vụ được xác định của việc xây dựng Đề án là mở ngành đào tạo. Nhà trường đã giao nhiệm vụ mở ngành mới và quản lý ngành đào tạo cho khoa Kỹ thuật, Công nghệ và Truyền thông. Trên cơ sở danh mục các ngành đào tạo phục vụ nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn và chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành⁵, Trường Đại học Hồng Đức xác định ngành mở mới là Khoa học vật liệu (Chương trình đào tạo Kỹ thuật vi điện tử và công nghệ bán dẫn).

Chương trình đào tạo được thiết kế công phu, có đối sánh với các chương trình đào tạo hàng đầu trong nước như Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Quốc gia Hà Nội và tham khảo các chương trình quốc tế về đào tạo bán dẫn tại các quốc gia tiên tiến như: Hoa Kỳ, Hà Lan, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc). Nội dung chương trình đảm bảo tính hiện đại, cập nhật xu hướng công nghệ mới như: thiết kế vi mạch số, hệ thống nhúng, vi cơ điện tử (MEMS), kỹ thuật vật liệu nano và trí tuệ nhân tạo trong thiết bị bán dẫn.

Đặc biệt, với sự tư vấn của Chuyên gia cao cấp về Công nghệ bán dẫn Michiel Kupers đến từ Hà Lan, người đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí trọng yếu tại các tập đoàn công nghệ lớn như ASML, Qimonda, Cymer, chương trình đào tạo Kỹ thuật vi

điện tử và Công nghệ bán dẫn đã tiếp cận được với nội dung và phương pháp đào tạo tiên tiến của quốc tế. Ngoài ra, chương trình cũng đã nhận được sự đóng góp ý kiến của các chuyên gia cao cấp khác thuộc tập đoàn ASML - Hà Lan, tập đoàn IMEC - Bỉ và Đại học Kỹ thuật Eindhoven - Hà Lan.

Hợp tác với các cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học, các tổ chức có uy tín trong và ngoài nước

Để chuẩn bị cho công tác đào tạo, rèn nghề, thực hành, thực tập, Trường Đại học Hồng Đức đã ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác (MoU) với các đơn vị đầu ngành trong nước có kinh nghiệm về đào tạo bán dẫn như: Học viện Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Trường Vật liệu - Đại học Bách khoa Hà Nội. Nội dung hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu và trao đổi học thuật các lĩnh vực bán dẫn, vi điện tử, vật liệu và công nghệ nano bao gồm: xây dựng chương trình đào tạo; tổ chức bồi dưỡng; hỗ trợ sinh viên thực tập, nghiên cứu tại các phòng thí nghiệm trong các lĩnh vực vật liệu bán dẫn, MEMS, thiết bị vi điện tử,...; đề xuất đề tài nghiên cứu; trao đổi chuyên gia và đồng tổ chức hội thảo. Những nội dung trong các chương trình hợp tác này mở ra cơ hội học tập, thực hành và nghiên cứu trong môi trường hiện đại cho sinh viên ngành Khoa học vật liệu của Trường Đại học Hồng Đức.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã có buổi làm việc với ông Laurent Delon, Giám đốc Tập đoàn LJ1D Consulting (Pháp), là chuyên gia có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực viễn thông và bán dẫn, từng đảm nhiệm vị trí lãnh đạo cấp cao tại Qualcomm và Nokia, đồng thời là cố vấn thương mại của Pháp (CCF South West Section). Tại buổi làm việc hai bên đã thống nhất LJ1D Consulting sẽ phối hợp cùng trường Đại học Hồng Đức tham vấn xây dựng Đề án đào tạo nhân lực bán dẫn cho tỉnh Thanh Hóa, mở ra hướng hợp tác chiến lược trong đào tạo và nghiên cứu lĩnh vực công nghệ mũi nhọn này.

Đội ngũ giảng viên chất lượng cao

Đội ngũ giảng viên Nhà trường phát triển mạnh với tổng số cán bộ, giảng viên, người lao động toàn trường là 671 người với 409 giảng viên. Toàn trường có 192 cán bộ giảng viên có trình độ tiến sĩ, đạt 46,94% (29 PGS, đạt 7,09%; 35 tiến sĩ được đào tạo hoàn toàn ở nước ngoài). Giảng viên tham gia giảng dạy ngành Khoa học vật liệu tại Trường Đại học Hồng Đức phần lớn là các phó giáo sư, tiến sĩ đã được đào tạo tại các trường đại học uy tín ở các nước công nghiệp phát triển như Pháp, Đức, Hàn Quốc, Liên bang Nga. Đồng thời, là những nhà nghiên cứu có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực khoa học vật liệu và công nghệ bán dẫn. Thầy cô không chỉ truyền đạt kiến thức chuyên môn, rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết, mà còn hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp công nghệ và kết nối với doanh nghiệp, tìm kiếm việc làm cho sinh viên từ trước khi ra trường. Ngoài ra, trước và trong quá trình đào tạo, các giảng viên thường xuyên tham gia các lớp tập huấn, hội thảo, hội nghị về lĩnh vực bán dẫn để cập nhật kiến thức và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

Linh động, mềm dẻo trong quá trình tổ chức đào tạo

Trong quá trình học tập, sinh viên sẽ được tạo điều kiện thực hành tại nhiều phòng thí nghiệm hiện đại, đồng thời kết nối với các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học lớn. Đây là yếu tố quan trọng giúp sinh viên sớm thích ứng với nhu cầu thực tế của thị trường lao động. Bên cạnh đó, Nhà trường sẽ thường xuyên mời các chuyên gia cao cấp thuộc lĩnh vực bán dẫn trong nước và quốc tế tham gia giảng dạy, seminar chuyên đề. Điều này không chỉ giúp sinh viên được tiếp cận với những kiến thức chuyên sâu và hiện đại nhất, mà còn nắm bắt kịp thời xu hướng phát triển của ngành công nghiệp bán dẫn. Chính vì vậy,

sinh viên sẽ hoàn toàn tự tin tham gia vào thị trường lao động ngay sau khi tốt nghiệp ra trường.

Với sự quan tâm chỉ đạo từ các bộ ngành Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các sở ban ngành trong tỉnh, sự chuẩn bị chủ động của Nhà trường. Trường Đại học Hồng Đức khẳng định quyết tâm và năng lực trong việc đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp bán dẫn. Đây không chỉ là nhiệm vụ giáo dục mà còn là cam kết đồng hành cùng sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa, góp phần đưa Việt Nam tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu của ngành công nghiệp bán dẫn. Bên cạnh đó, Nhà trường xin đề xuất một số nội dung như sau:

Một là, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ hỗ trợ về chương trình, cơ chế đặc thù và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên.

Hai là, đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm hiện đại cho đào tạo và nghiên cứu bán dẫn.

Ba là, đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa có chính sách thu hút và tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp, tập đoàn công nghệ trong và ngoài nước hợp tác, đồng hành cùng Nhà trường trong đào tạo và nghiên cứu.

Chú thích:

¹<https://vneconomy.vn/doanh-thu-ban-dan-toan-cau-duoc-du-bao-vuot-moc-1000-ty-usd-vao-nam-2030.htm>

² Quyết định số 1017/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ

³ Kết luận số 2709-KL/TU ngày 05/4/2024 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh, xây dựng Đảng về hệ thống chính trị quý I; nhiệm vụ trong tâm quý II năm 2024.

⁴ Công văn số 5853/UBND-THKH V/v tập trung triển khai thực hiện Kết luận số 2709-KL/TU ngày 05/4/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

⁵ Quyết định số 1314/QĐ-BGDĐT ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

MỘT SỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT CỦA HỘI KHKT CẦU ĐƯỜNG THANH HÓA TRONG NHIỆM KỲ 2020 - 2025 GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH

KS. Hoàng Văn Giáp

Phó Chủ tịch

Hội KHKT Cầu đường Thanh Hoá

Hội KHKT Cầu đường Thanh Hoá từ khi được UBND tỉnh cho phép thành lập (tháng 12/1999) đến nay đã trải qua 5 kỳ đại hội. Hội là hội thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội) và Hội KHKT Cầu đường Việt Nam. Hiện tại, Hội có 18 chi hội trực thuộc với tổng số 331 hội viên; trong đó có: 1 phó giáo sư, 4 tiến sĩ, 74 thạc sĩ, 252 đại học và cao đẳng. Là một hội xã hội nghề nghiệp hoạt động trên cơ sở tự nguyện của các hội viên, tự chủ về công việc và tài chính, hội luôn duy trì hoạt động có hiệu quả và không ngừng phát triển.

Trong nhiệm kỳ V (2020 - 2025), tuy có gặp khó khăn do dịch bệnh COVID 19 bùng phát và thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và chính quyền địa phương hai cấp, song Hội vẫn đảm bảo duy trì hoạt động ổn định và không ngừng phát triển. Những kết quả hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã góp phần xây

dựng và phát triển hệ thống Liên hiệp hội Hội KHKT Cầu đường Việt Nam.

Công tác củng cố tổ chức và phát triển Hội

Xác định việc củng cố, kiện toàn và phát triển tổ chức là nhiệm vụ trọng tâm, vì vậy, Ban Thường vụ và Thường trực Hội đã chủ động phối hợp với cơ quan bảo trợ củng cố, phát triển các chi hội, hội viên về hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải (GTVT). Hội đã tập hợp được các kỹ sư, chuyên gia hoạt động trong ngành GTVT và một số



Hội tổ chức cho cán bộ, hội viên tham quan công trình thi công cầu Lạc Trường đường ven biển.

cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, trong đó có các đồng chí đã nghỉ hưu, tự nguyện tham gia Hội, tiếp tục đóng góp kiến thức và kinh nghiệm quý báu tích lũy qua nhiều năm trong lĩnh vực cầu đường phục vụ sự nghiệp GTVT của tỉnh nhà và cả nước.

Hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ (KHCN)

Là một tổ chức xã hội và hoạt động mang tính chất nghề nghiệp, trong nhiệm kỳ vừa qua, Hội luôn làm tốt vai trò là diễn đàn khoa học chuyên ngành xây dựng cầu đường để hội viên tham gia, chủ yếu phổ biến kịp thời các tiến bộ về KHCN trong nước và thế giới, công tác quản lý, khai thác, xây dựng hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; tìm hiểu và cập nhật các thông tin về quy trình, quy phạm kỹ thuật, các chế độ chính sách mới về công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản. Trên cơ sở đó, Hội đã tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, tổ chức cho hội viên tham quan học hỏi, trao đổi kinh nghiệm trong công tác khảo sát, thiết kế, quy hoạch GTVT, thẩm định, thẩm tra cũng như thi công các công trình GTVT, phổ biến áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới vào thực tế.

Có thể nói trong 5 năm qua, cùng với sự phát triển không ngừng của ngành GTVT, nhiều cây cầu lớn, nhiều tuyến đường huyết mạch trong tỉnh đã được đầu tư xây dựng và mở rộng, trong đó có sự tham gia đóng



Hội KHKT Cầu đường Việt Nam trao tặng Hội bức trướng nhận lễ kỷ niệm 20 năm thành lập và Đại hội lần thứ V của Hội.

góp của Hội và các hội viên. Đó là các tuyến đường: đường cao tốc Bắc Nam phía đông qua địa bàn tỉnh Thanh Hóa, đường nối Cảng hàng không Thọ Xuân với Khu kinh tế Nghi Sơn, đường nối trung tâm thành phố Thanh Hóa với đường Nghi Sơn - Cảng hàng không Thọ Xuân, đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân đoạn từ đường tỉnh lộ 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân, đường Ven biển đoạn Nga Sơn - Hoàng Hóa - Sầm Sơn - Quảng Xương - Tĩnh Gia, đường nối 3 quốc lộ QL 217 với QL 45 và QL 47, cầu vượt sông Mã thuộc dự án đường nối QL 1A với QL 45 và nhiều tuyến đường khác trong tỉnh.

Tại hội nghị tiếp xúc, gặp gỡ, tham vấn và đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với đội ngũ trí thức năm 2024, Hội đã tham gia đóng góp ý kiến về những chủ trương định hướng lớn để xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế vùng trong việc thu hút đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, phát triển các ngành kinh tế vùng Bắc Trung Bộ, đồng bằng sông Hồng và các tỉnh Tây Bắc. Ngoài ra, Hội đã tham gia ý kiến với các cơ quan chức năng dự thảo sửa đổi, ban hành một số tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) trong lĩnh vực đầu tư xây dựng công

trình; một số thông tư hướng dẫn trong lĩnh vực KHCN, xây dựng, công thương như: sửa đổi bổ sung một số định mức, đơn giá xây dựng cho phù hợp với thực tế.

Các chi hội trực thuộc thường xuyên áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới trong thực hiện công tác thi công xây lắp công trình như:

Chi hội Tổng Công ty CP Đầu tư và xây dựng cầu đường từ chỗ chỉ xây dựng các cầu giản đơn, bê tông thường, những năm vừa qua đã vươn lên đầu tư đổi mới công nghệ, thi công được hầu hết các loại cầu trong và ngoài tỉnh với quy mô lớn, kết cấu phức tạp, đảm bảo tiến độ và chất lượng.

Chi hội Tổng công ty CP Xây dựng giao thông 1 đã tăng cường năng lực thi công được tất cả các loại mặt đường trên địa bàn trong và ngoài tỉnh, từ đường cấp thấp đến đường cấp cao và cao tốc.

Chi hội Ban quản lý dự án đầu tư các công trình giao thông đã có rất nhiều cố gắng đổi mới về công tác quản lý vốn đầu tư, công tác đấu thầu, xét thầu, giám sát chất lượng các công trình; trong đó có nhiều dự án lớn thuộc nguồn vốn xây dựng cơ bản địa phương và Trung ương, nhiều dự án có quy mô lớn, tính chất kỹ thuật phức tạp.

Các chi hội Công ty cổ phần quản lý đường bộ 1, đường bộ 2, Công ty quản lý đường thủy nội địa đã từng bước đầu tư trang thiết bị mới phục vụ cho công tác sửa chữa định kỳ, duy tu bảo dưỡng, tổ chức lại sản xuất để giữ đường không bị xuống cấp, đảm bảo giao thông thông suốt và kịp thời, đặc biệt là vào mùa mưa bão.

Chi hội Văn phòng Sở GTVT đã làm tốt công tác tham mưu cho lãnh đạo Sở có các kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành chi tiết, cụ thể và khoa học. Công tác thẩm định hồ sơ các dự án đã có nhiều cải tiến, trình độ chuyên môn của cán bộ được nâng cao, vì vậy chất lượng hồ sơ ngày càng chính xác về định mức, đơn giá đáp ứng kịp thời cho kế hoạch triển khai dự án. Triển khai

hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp quy liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình. Tham mưu cho lãnh đạo Sở ban hành các quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình khi Nhà nước có thay đổi về chế độ, chính sách. Tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo Bộ GTVT về các nút giao và mở rộng một số cầu lớn trên tuyến đường bộ cao tốc Bắc Nam đoạn qua địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Đã tham mưu kịp thời các biện pháp bảo trì và quản lý hệ thống giao thông đáp ứng mạng lưới giao thông thông suốt phục vụ phát triển kinh tế và đi lại của Nhân dân trong tỉnh

Công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật (KHKT)

Công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến công nghệ KHKT là công tác thường xuyên của Hội. Hàng năm, Hội đã có kế hoạch và tổ chức cho hội viên tham quan học tập kinh nghiệm về công tác khảo sát, thiết kế, thi công một số công trình cầu đường trong và ngoài nước. Một số kết quả đạt được:

Năm 2021, mặc dù dịch bệnh COVID 19 bùng phát, tuy nhiên Hội vẫn tổ chức cho cán bộ, hội viên đi tham quan thiết kế thi công các công trình trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Mai Sơn - Quốc lộ 45.

Năm 2022, Hội tổ chức cho cán bộ, hội viên Chi hội Ban quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa tham quan học tập phương pháp thử tải tĩnh Ostenberg với cọc khoan nhồi tại cầu Lạch Trường trên đường ven biển đoạn Nga Sơn - Sầm Sơn thay cho phương pháp thử tải cũ còn nhiều hạn chế. Tổ chức cho hội viên đi tham quan học tập các công trình giao thông ở các tỉnh phía Đông Bắc có tính kỹ thuật, mỹ thuật cao như: cầu Hoàng Văn Thụ, cầu Rào, nút giao thông nam cầu Bính ở thành phố Hải Phòng; tuyến cao tốc Hải Phòng - Quảng Ninh và Quảng Ninh - Móng Cái. Tổ chức cho hội viên tham gia thi công cọc khoan

nhồi đường kính lớn (2,0m), thi công cầu Bến Kẹm qua sông Mã.

Năm 2023, tổ chức thành công hội thảo khoa học với chủ đề “Khảo sát thiết kế thi công và bảo trì công trình Giao thông” tại hội trường khách sạn Paracel Hải Tiến Resort, bãi biển Hải Tiến, xã Hoàng Tiến. Hội thảo vinh dự có lãnh đạo hội cấp trên và các hội bạn trong, ngoài tỉnh về dự. Hội đã có bài tham luận về "Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động KHCN của Trung tâm tư vấn - Hội Cầu đường Thanh Hóa" tại hội thảo “Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

Tổ chức cho hội viên tham gia tư vấn kỹ thuật và những giải pháp, kinh nghiệm trong thi công cầu Tổ Rồng Xa Thường Xuân, cầu qua sông Cầu Chầy dự án đường nối 3 quốc lộ (QL217, QL45, QL 47) của Chi hội Tổng công ty đầu tư xây dựng cầu đường. Chi hội Công ty cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ 1 đã tập huấn nâng cao nghiệp vụ về công tác quản lý đường bộ, tập huấn cho hội viên công tác cấp cứu cơ bản tai nạn giao thông, tập huấn cập nhật phần mềm govone để quản lý cầu trong quá trình khai thác sử dụng.

Ngoài ra, Hội đã hướng dẫn hội viên thực hiện 2 đề tài đăng ký tham gia Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thanh Hóa lần thứ 13 (2022 - 2023), kết quả có một giải pháp đạt giải Ba cấp tỉnh và được gửi đi dự thi Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc.

Nhân dịp kỷ niệm 35 năm thành lập Hội KHKT Cầu đường Việt Nam, Hội đã tổ chức gặp gỡ, giao lưu với một số hội bạn khu vực phía Nam (như: Hội Cầu đường Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Cần Thơ, Đồng Nai, Khánh Hòa...) thông qua tổ chức giao lưu, học tập kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động của hội nghề nghiệp; qua đó, có cơ hội giới thiệu, quảng bá những thành tựu phát triển của hệ thống giao thông và các điểm tham quan du lịch nổi tiếng của Thanh Hóa.

Năm 2024, Hội tổ chức cho 62 hội viên đi tham quan, học tập thiết kế thi công, quản lý đường cao tốc Bắc - Nam đoạn Thanh Hóa - Bãi Vọt (Hà Tĩnh); đồng thời kết hợp đưa hội viên về thăm quê Bác, khu di tích đại thi hào Nguyễn Du danh lam thắng cảnh cảng biển Cửa Lò tại tỉnh Nghệ An. Hội đã chỉ đạo Trung tâm tư vấn cầu đường áp dụng công nghệ mới vào thiết kế cào bóc tái chế mặt đường cũ bổ sung phụ gia 4% xi măng để sửa chữa QL 217B.

Công tác phản biện và giám định xã hội

Hội đã đẩy mạnh hoạt động phản biện và giám định xã hội góp phần đảm bảo chất lượng, tiến độ xây dựng công trình giao thông, tiết kiệm vốn đầu tư của Nhà nước và nâng cao vị thế của Hội. Hội đã cử cán bộ có kinh nghiệm tham gia vào hội đồng tư vấn phản biện của Liên hiệp hội và làm giám khảo chấm thi Hội thi Sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh. Tham gia tư vấn phản biện đánh giá tác động môi trường đường kết nối Quốc lộ 47C với đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn. Tham gia phản biện đánh giá tác động môi trường cầu thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Tham gia góp ý và phản biện vào đồ án điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển GTVT tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tham gia góp ý kiến phản biện Đề án phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa do Sở GTVT Thanh Hóa chủ trì soạn thảo.

Công tác thi đua khen thưởng

Với những thành tích đạt được trong nhiệm kỳ V, Hội đã được UBND tỉnh Thanh Hóa, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hội KHKT Cầu đường Việt Nam tặng nhiều Bằng khen; Liên hiệp hội tặng Giấy khen cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển hội./.

NHỮNG TRẮN TRỞ VỀ ĐÔ THỊ TỈNH THANH HÓA KHI THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

Lê Đình Nam

Chủ tịch

Hội Quy hoạch phát triển đô thị Thanh Hóa

Thanh Hóa là tỉnh không thuộc diện chia tách hay sáp nhập mà giữ nguyên trạng về dân số, diện tích, địa giới hành chính. Khi triển khai, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp trên địa bàn tỉnh, đã thực hiện bỏ cấp huyện, thị xã, thành phố (26 đơn vị), sáp nhập 545 đơn vị xã, phường, thị trấn còn 166 đơn vị (147 xã và 19 phường). Đến nay, tỉnh đã triển khai và đi vào hoạt động theo mô hình mới; các xã, phường sau khi sáp nhập đã tiến hành đại hội đảng bộ, chi bộ cơ sở. Bước đầu tương đối ổn định, thông suốt... Tuy nhiên, tồn tại lớn nhất là năng lực điều hành, quản lý của đội ngũ cán bộ cấp xã hiện nay chưa theo kịp với yêu cầu của mô hình mới.

Về tình hình quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị giai đoạn trước và sau sáp nhập theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết 06). Đây là văn kiện cực kỳ quan trọng của Đảng ta, lần đầu tiên đề cập mang tính chiến lược, toàn diện về

một lĩnh vực có tính quyết định đến phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Trước đó, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết 58). Quán triệt nội dung và tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết 06 và Nghị quyết 58, tỉnh Thanh Hóa đã quan tâm chỉ đạo, xác định rõ những vấn đề cốt lõi về: quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị của tỉnh Thanh Hóa hiện nay, trên cơ sở đó có giải pháp triển khai thực hiện đạt mục tiêu và nội dung đề ra. Trước hết, cần nhận thức đúng đắn về vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và tác dụng to lớn của đô thị đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh trong tình hình mới.

Qua quá trình nghiên cứu và thực tiễn lãnh đạo và chỉ đạo, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn kiện quan trọng theo từng thời kỳ để định hướng phát triển đô thị và đã đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Trong 10



Phường Hạc Thành sau sáp nhập là đơn vị hành chính cấp xã có số dân đông nhất tỉnh Thanh Hóa (Ảnh sưu tầm).

năm qua (giai đoạn 2010 - 2025), đô thị tỉnh Thanh Hóa đã có chuyển biến rất tích cực, cụ thể là:

Tỷ lệ đô thị hóa đã tăng từ 9,8% (năm 2010) lên 35% (năm 2020) và 40,55% (năm 2025); xây dựng và phát triển thêm nhiều đô thị mới (36 đô thị gồm: 2 thành phố, 2 thị xã, 22 thị trấn huyện lỵ, 10 thị trấn công nghiệp, du lịch). Dân số đô thị tăng nhanh; không gian đô thị được mở rộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư theo hướng ngày càng đồng bộ và hiệu quả hơn.

Chất lượng sống của cư dân đô thị từng bước được nâng cao. Đô thị hóa và phát triển đô thị trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng ở mức cao, đóng góp khoảng 70% GDP của tỉnh. Bước đầu đã hình thành cực tăng trưởng kinh tế và trung tâm đổi mới sáng tạo, khoa học và công nghệ, giáo dục và

đào tạo tại các đô thị lớn. Đô thị trở thành đầu tàu kinh tế thúc đẩy kinh tế - xã hội của cả tỉnh phát triển. Đời sống vật chất tinh thần được nâng lên rõ rệt. Quốc phòng - an ninh được giữ vững, ổn định...

Thanh Hóa có quy mô kinh tế đứng thứ 8/63 tỉnh thành (năm 2024), thuộc nhóm đầu phát triển toàn diện của cả nước. Có được kết quả bước đầu nói trên, trước hết phải nói đến sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời và quyết liệt, sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh qua nhiều nhiệm kỳ; sự nỗ lực cố gắng của các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố và Nhân dân trong tỉnh cùng với sự quan tâm, ủng hộ của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương đã tạo đà cho tỉnh phát triển theo quy hoạch đã lập và được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Thanh Hóa là tỉnh đất rộng, người đông, nhiều đơn vị hành chính xã, phường, huyện, thị xã, thành phố..., nhưng tất cả đều đã lập

được các loại quy hoạch đô thị, nông thôn khá đồng bộ theo quy định của pháp luật. Đây có thể nói là một căn cứ quan trọng góp phần cho tỉnh phát triển đúng hướng, nhanh và bền vững. Đội ngũ chuyên gia về quy hoạch đồng đảo, ổn định liên tục từ năm 1973 đến nay của Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa, có năng lực chuyên môn cao, đủ đáp ứng yêu cầu lập các đồ án quy hoạch của tỉnh một cách kịp thời, nhanh chóng góp phần cho sự nghiệp phát triển đô thị tỉnh nhà đi đúng hướng.

Tuy nhiên những năm qua việc quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị Thanh Hóa đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế đã được nêu trong Nghị quyết 06: (i) Tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đạt được thấp hơn mục tiêu đề ra trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2010 - 2025 và còn thấp hơn so với tỉ lệ bình quân chung của cả nước (40,55%) khu vực và thế giới (80%). (ii) Chất lượng đô thị hóa chưa cao (lao động nông nghiệp trong đô thị còn lớn), phát triển theo chiều rộng là chủ yếu gây lãng phí về đất đai, mức độ tập trung kinh tế còn thấp. (iii) Quá trình đô thị hóa và phát triển đô thị chưa gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với quá trình CNH, HĐH xây dựng nông thôn mới. (iv) Kết cấu, chất lượng hạ tầng đô thị chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển dân số và kinh tế khu vực đô thị, chưa thích ứng với biến đổi khí hậu, ứng phó với dịch bệnh. (v) Ô nhiễm môi trường tại các đô thị lớn có xu hướng gia tăng và diễn biến phức tạp gây ra nhiều tác động tiêu cực. (vi) Khả năng tiếp cận dịch vụ công và phúc lợi xã hội của người nghèo và lao động di cư còn thấp và nhiều bất cập. (vii) Năng lực quản lý và quản trị đô thị còn yếu, chậm được đổi mới.

Một số nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém trên là: (1) Nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của đô thị hóa và phát triển đô thị bền vững chưa đầy đủ, chưa được

quan tâm đúng mức, nhiều vấn đề lớn chậm được tổng kết cả về lý luận và thực tiễn. Cho đến nay, Đảng mới ban hành Nghị quyết 06 chuyên đề có tính tổng thể, toàn diện để lãnh đạo về đô thị hóa và phát triển đô thị bền vững. (2) Pháp luật về đô thị chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ và ổn định; một số nội dung còn chồng chéo, mâu thuẫn; quy định về phân loại đô thị chưa chú trọng đúng mức đến các chỉ tiêu về chất lượng đô thị và các đặc điểm riêng của từng đô thị tại các vùng, miền; còn thiếu các cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích và thúc đẩy phát triển các mô hình đô thị bền vững, đô thị xanh, đô thị thông minh; Nghị quyết 06 đi vào cuộc sống còn chậm và chưa đồng bộ, chính quyền hai cấp chưa gắn kết với tinh thần Nghị quyết. (3) Hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức trong lĩnh vực đô thị chưa đầy đủ, chậm được sửa đổi, bổ sung... không đáp ứng yêu cầu cấp bách về chính quyền hai cấp. (4) Chất lượng quy hoạch đô thị chưa đáp ứng yêu cầu, việc triển khai thực hiện quy hoạch còn nhiều hạn chế. Nguồn vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội đô thị còn thiếu, đầu tư còn dàn trải, thiếu đồng bộ, chưa phát huy và khai thác tốt các nguồn lực từ chính đô thị và nguồn lực từ xã hội cho phát triển đô thị. Việc huy động và sử dụng các nguồn lực, nhất là từ đất đô thị chưa hiệu quả, sai phạm về quản lý đất đai diễn biến phức tạp. (5) Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển đô thị còn thiếu quyết liệt, quản lý đô thị còn thiếu chuyên nghiệp.

Bên cạnh đó, một bộ phận lãnh đạo các đô thị chưa nhận thức đúng đắn về tính tích cực của việc xây dựng và phát triển đô thị nên để đô thị hoạt động, phát triển theo tự nhiên như cấp xã nông thôn; một bộ phận khác đã thấy, biết và hiểu về đô thị nhưng chưa chủ động tìm ra cách hoạt động để

xây dựng và phát triển đô thị của mình quản lý, không có tư tưởng chỉ đạo quyết liệt... Vì vậy, nhiều địa phương có kinh tế phát triển không tạo ra nguồn thu lớn để đầu tư phát triển.

Trong 15 năm qua (2010 - 2025), Tỉnh Ủy, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hóa rất quan tâm đến công tác lập quy hoạch đô thị, có các chương trình hành động, kế hoạch triển khai và thực hiện rất quyết liệt. Tuy nhiên, còn thiếu các văn kiện ban hành có nội dung liên quan đến đầu tư xây dựng, quản lý phát triển bền vững đô thị một cách toàn diện, tầm nhìn xa, lâu dài. Đô thị mới phát triển trên diện rộng (tăng về diện tích, dân số, số lượng) mà chưa có bề sâu và thực chất (phát triển kinh tế chưa được quan tâm đúng mức, tỷ trọng lao động nông nghiệp còn cao, chất lượng dịch vụ không đồng bộ, chất lượng cuộc sống của cư dân đô thị chưa cao). Hầu hết các đô thị loại V chỉ là trung tâm hành chính cấp huyện, khả năng khai thác các nguồn lực, nhất là từ đất đô thị chưa hiệu quả; sai phạm về quản lý đất đai còn diễn biến phức tạp; phát triển kinh tế - xã hội yếu kém; thu không đủ chi...

Để đạt được mục tiêu và các chỉ tiêu phát triển đô thị của tỉnh Thanh Hóa, góp phần quan trọng và quyết định vào thành công của tỉnh theo nội dung Nghị quyết 06 và Nghị quyết 58, một số đề xuất giải pháp về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị cần được quan tâm giải quyết trong thời gian tới:

Một là, rà soát, hoàn thiện, cụ thể hóa các thể chế như: Luật Quy hoạch, Luật Chính quyền địa phương, thay đổi các nghị quyết của Quốc hội về phân loại đô thị, phân cấp quản lý đô thị, tiêu chuẩn kỹ thuật mới áp dụng trong quy hoạch; ban hành chính sách mới tạo thuận lợi cho quá trình đô thị hóa của tỉnh bao gồm cả quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững.

Hai là, tổ chức lập các loại quy hoạch theo văn bản pháp luật mới cho tất cả các đô thị trong tỉnh. Nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững. Mỗi đô thị có quy chế quản lý cụ thể, có chương trình phát triển riêng.

Ba là, tập trung đầu tư xây dựng đồng bộ các đô thị theo mạng lưới bao gồm cả hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội. Đặc biệt, cần xác định mục tiêu phát triển kinh tế của từng đô thị để tạo ra nguồn lực tự thân cho phát triển đô thị. Quản lý, sử dụng chặt chẽ đất đai và khai thác có hiệu quả quỹ đất đai. Thu hút các nguồn lực đầu tư; xác định chủ thể đầu tư cho các đô thị; phân định rõ các loại hình đầu tư để phân cấp, phân quyền hợp lý.

Bốn là, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý đô thị có tính chuyên nghiệp, đủ các kiến thức và hiểu biết về đô thị để thực thi nhiệm vụ.

Năm là, tỉnh cần ban hành nghị quyết chuyên đề tổng thể, cụ thể và đồng bộ về quy hoạch, xây dựng và quản lý phát triển bền vững đô thị trên địa bàn tỉnh và có chương trình hành động thực hiện nội dung đề ra.

Thực tiễn cuộc sống và mô hình chính quyền địa phương hai cấp đã ban hành, đang triển khai nhanh chóng, quyết liệt đã bộc lộ rất nhiều vấn đề mới, gặp khó khăn trong chỉ đạo, quản lý và thực hiện đối với ngành xây dựng nói chung; đặc biệt là quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị một cách nhanh, bền vững. Hội Quy hoạch phát triển đô thị Thanh Hóa rất mong muốn Chính phủ, Bộ Xây dựng, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam, các bộ, ngành Trung ương nhanh chóng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với yêu cầu phát triển để hướng dẫn cho các địa phương triển khai thực hiện kịp thời và có hiệu quả./.

HỘI THƠ ĐƯỜNG LUẬT THANH HÓA 20 NĂM GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY NỀN VĂN HÓA GIÀU BẢN SẮC DÂN TỘC

Phạm Xuân Quý

Phó Chủ tịch

Hội thơ Đường luật Thanh Hóa

Căn cứ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý, tháng 3/2015, Hội thơ Đường luật Thanh Hóa được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa cho phép thành lập trên cơ sở là Câu lạc bộ UNESCO Thơ Đường luật Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa. Hội là tổ chức văn hóa - xã hội tự nguyện, hoạt động phi lợi nhuận, coi Thơ Đường luật là một di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc, tiếp tục đẩy mạnh sáng tác, quảng bá, bảo tồn và nghiên cứu nhằm tôn vinh, giữ gìn “báu vật” giàu bản sắc này đã tồn tại hơn một nghìn năm trong dòng chảy lịch sử văn học nước nhà.

Đến nay, Hội thơ Đường luật Thanh Hóa đã hoạt động được 20 năm, là một trong 34 hội thành viên thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội). Trong quá trình hoạt động, thông qua tuyên truyền vận động và nhận thức của người dân yêu thích thể loại thơ Đường luật trong toàn xã hội, Hội đã kết nạp và duy trì ổn định được 118 hội viên ở 9 chi hội trên địa bàn tỉnh. Các hội viên xuất thân từ các nhà thơ, nhà báo, văn nghệ sĩ chuyên nghiệp và không chuyên, nhà

giáo, kỹ sư, bác sĩ, chiến sĩ công an nhân dân, quân đội nhân dân đã về hưu hoặc xuất ngũ. Tuổi trung bình từ 67 đến 70 tuổi, cao nhất là hội viên 101 tuổi, trẻ nhất là hội viên 35 tuổi. Quá trình hoạt động của Hội thơ Đường luật Thanh Hóa đã đạt được những kết quả chủ yếu sau:

Công tác xây dựng và phát triển Hội

Công tác điều hành hoạt động Hội của lãnh đạo Hội cùng toàn thể Ban Chấp hành (BCH), Ban Thường vụ (BTV) trong nhiệm kỳ III đã có nhiều đổi mới, như: kiện toàn các tổ chức chi hội trực thuộc, giao các đồng chí ủy viên BCH trực tiếp là chi hội trưởng để điều hành hoạt động công tác hội ở cơ sở. Hội đã áp dụng tốt công nghệ thông tin thông qua mạng xã hội Facebook, Zalo nội bộ để công tác tổ chức và hoạt động trong Hội được nhanh chóng và có hiệu quả hơn. Đặc biệt là hoạt động giao ban của BCH, BTV và Văn phòng Hội được thực hiện thường xuyên. Tại các cuộc họp giao ban, Hội đã thông tin đến các chi hội và hội viên thông qua các đồng chí ủy viên về các chủ trương của các cấp, các ngành và của Liên hiệp hội liên quan đến hoạt động công tác Hội; kế hoạch hoạt động của Hội định kỳ theo quy định.

Ban lãnh đạo Hội cũng đã tổ chức nhiều cuộc giao lưu thơ với các chi hội cơ sở như: Chi hội thị xã Nghi Sơn, huyện Thiệu Hóa, thành phố Sầm Sơn, huyện Triệu Sơn (cũ)... Nổi bật nhất là Chi hội thành phố Thanh Hóa, đã duy trì sinh hoạt đều đặn hàng tháng, quý trong năm tại nhà Tưởng niệm Bác Hồ (phố Lê Hoàn, phường Hạc Thành). Tại các diễn đàn này, các nhà thơ đã được trình bày, lan tỏa các tác phẩm thơ của mình để chia sẻ, học hỏi và trau dồi nâng cao trình độ sáng tác. Năm 2024, BTV Hội cũng đã mở rộng giao lưu đến các câu lạc bộ thơ ca cấp xã như Câu lạc bộ thơ ca Phường Xuân Lâm (thị xã Nghi Sơn). Điều này cũng rất phù hợp với Chủ trương mới của Đảng và Nhà nước về tinh gọn bộ máy và tổ chức Chính quyền địa phương hai cấp, để từ đó giúp tăng cường công tác phát triển hội.

Các hoạt động chính trị - xã hội

Hội luôn tuyên truyền, vận động toàn thể hội viên tham gia tích cực và đầy đủ các hoạt động chính trị - xã hội, cụ thể như sau:

Thảo luận và góp ý vào Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội Đảng lần thứ XIII, Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá khoá XIX, Quy chế tôn vinh trí thức khoa học công nghệ tiêu biểu tỉnh Thanh Hoá, Đề án xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tham gia học tập quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy Thanh Hóa; nghiêm chỉnh chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Tham dự hội thảo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 6/8/2008 của BCH Trung ương Đảng khóa X về “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”; Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 42-CT/TW ngày 16/4/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục

đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Tham gia diễn đàn sinh hoạt ngày Hội thơ Đường toàn quốc do Hội thơ Đường luật Việt Nam tổ chức tại Hà Nội và các tỉnh Ninh Bình, Điện Biên, Gia Lai với gần 100 lượt hội viên tham gia. Trong đó có nhiều tác phẩm thơ được giải thưởng, nhiều hội viên có tác phẩm thơ được in trong các tập thơ do các tỉnh đăng cai tổ chức phát hành.

Tổ chức cho hội viên tham gia tích cực Ngày thơ Việt Nam vào Rằm tháng Giêng (tết Nguyên tiêu) hàng năm từ năm 2021 - 2025 do tỉnh Thanh Hóa tổ chức. Năm nào quán thơ của Hội thơ Đường luật Thanh Hóa cũng được Ban Tổ chức biểu dương khen ngợi và cấp giấy chứng nhận là quán thơ ở top đầu của Hội thơ.

Ngoài ra, Hội còn thường xuyên nắm bắt tư tưởng của hội viên thông qua các hoạt động ở cấp chi hội. Qua sơ kết, tổng kết công tác Hội hàng năm, cho thấy tư tưởng hội viên luôn ổn định và có tâm tư, nguyện vọng muốn được đóng góp nhiều hơn nữa tác phẩm của mình cho công tác phát triển bền vững về văn hóa - xã hội của tỉnh nhà.

Các hoạt động văn hóa nghệ thuật

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, nhưng hội viên trong Hội luôn kiên định lập trường, tư tưởng vững vàng trước mọi khó khăn để vươn lên trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật, phần lớn giành tâm huyết cho lĩnh vực thơ Đường luật. Trong gần 20 năm, các hoạt động của Hội vẫn được duy trì và phát triển. Hội đã tổ chức thành công Hội thảo “Thơ Đường luật trong cuộc sống đương đại” với hơn 30 bài tham luận từ các chi hội và từ các đại biểu mời tham dự Hội thảo. Hội thảo đã đem lại sinh khí mới cho hoạt động của Hội. Hội cũng đã tham gia và đăng cai các cuộc hội



Đại hội lần thứ IV, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

thơ về Hồ Xuân Hương và nhiều nhà thơ có tác phẩm thơ về Hồ Xuân Hương.

Toàn Hội đã xuất bản được 25 đầu sách, với 100% hội viên có bài tham gia, với khoảng 10.000 bài thơ, trong đó có 5 tuyển tập “Thơ Đường luật Xứ Thanh” với gần 5.000 bài thơ do Nhà Xuất bản Thanh Hóa ấn hành. Những tác phẩm trong các đầu sách này gồm các thể dạng chính của thơ Đường luật là thất ngôn bát cú chiếm đến 95%, thất ngôn tứ tuyệt khoảng 4%, còn lại là biến thể của hai thể thơ nói trên. Mặt khác, nhiều hội viên trong hội có thơ in riêng, mỗi người có từ 1-3 tập, đặc biệt có hội viên Nguyễn Thị Chiêu (thuộc Chi hội Nghi Sơn) đã có đến 11 tập thơ in riêng. Tổng số khoảng 60 tập thơ, do các nhà xuất bản Hội nhà văn và Nhà Xuất bản Thanh Hóa ấn hành. Phần lớn các tác phẩm trong tập thơ và tuyển tập thơ đều ca ngợi lãnh tụ, các anh hùng, liệt sĩ qua các thời kỳ dựng nước và giữ nước; ca ngợi quê hương, đất nước và con người trong cuộc sống chiến đấu và dựng xây; bày tỏ tình yêu

cuộc sống giữa con người với con người và giữa con người với thiên nhiên... tất cả đều dệt nên một bức tranh sinh động muôn màu của đời sống xã hội đương đại. Ngoài ra, còn có nhiều tác giả có tác phẩm thơ in trên “Tạp chí Xứ Thanh” và trên “Thời báo văn học, nghệ thuật” của Hội Văn học nghệ thuật Thanh Hóa và Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam; đồng thời in chung trong các tuyển tập “Thơ Đường luật Việt Nam”, tuyển tập thơ Đường luật “Sáng Mãi Điện Biên” và “Tháng Ba Tây Nguyên” của Hội thơ Đường luật Việt Nam do Nhà xuất bản Hội Nhà văn Việt Nam ấn hành nhân dịp ngày hội Thơ Đường luật Việt Nam lần thứ XVI kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên phủ (1954 - 2024) tổ chức tại tỉnh Điện Biên vào ngày 27-28/3/2024 và lần thứ XVII kỷ niệm 50 năm giải phóng tỉnh Gia Lai, được tổ chức tại Thành phố Pleiku vào ngày 14-15/3/2025.

Nhìn chung, từ khi thành lập đến nay, cán bộ hội viên đều xác định được nhiệm vụ

của Hội là hoạt động mang tính chất xã hội và tự nguyện. Các hội viên đều hoạt động nhiệt tình theo khả năng của mình, đóng hội phí đầy đủ, hưởng ứng và tham gia tích cực các phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh do Liên hiệp hội, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh và Hội phát động. Các chi hội đều hưởng ứng tham gia sinh hoạt giao lưu với các hội tỉnh bạn và tổ chức cho toàn thể hội viên tham gia giao lưu nhân ngày Thơ Việt Nam - ngày Rằm tháng Giêng (hay Tết Nguyên tiêu) hàng năm. Từ diễn đàn này, Hội đã tuyên truyền cho hội viên hiểu rõ thêm về hoạt động Hội và vận động nhiều tổ chức, cá nhân tham gia Hội.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được trong quá trình hoạt động, Hội thơ Đường luật Thanh Hóa cũng thẳng thắn nhận ra những hạn chế, yếu kém còn tồn tại: Chưa tổ chức được những đợt đi thực tế sáng tác nhằm nâng cao chất lượng tác phẩm cho hội viên; chưa có chuyên đề về lý luận, phê bình để chỉ rõ cái được, cái chưa được cho tác phẩm văn học; chưa kết nạp được hội viên mới để tăng thêm cả về số lượng và chất lượng đội ngũ nhà thơ; các kỳ sinh hoạt còn chung chung, chưa có chủ đề cụ thể nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt mà chủ yếu đọc thơ cho nhau nghe; công tác thi đua khen thưởng chưa được chú trọng thường xuyên.

Về nguyên nhân chủ quan, Hội chưa xây dựng quy chế làm việc của BCH, BTV và các quy chế có liên quan khác theo quy định về tổ chức Hội. Kế hoạch hoạt động chưa được xây dựng một cách cụ thể, kịp thời sát đúng với thực tế của đời sống xã hội đang có nhiều biến đổi. Công tác tuyên truyền về tôn chỉ mục đích của Hội chưa có hiệu quả cao, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác phát triển hội viên, đặc biệt là hội viên trẻ tuổi. Việc thiếu cơ sở vật chất, nhân lực trẻ làm chuyên trách Văn phòng gây ảnh hưởng rất

lớn đến hoạt động Hội. Một số hội viên còn có tư tưởng bảo thủ trì trệ, thiếu tính đổi mới trong lĩnh vực sáng tác.

Về nguyên nhân khách quan, Hội chưa nhận sự quan tâm đúng mức của các ngành, các cấp có liên quan. Tuy Hội hoạt động về lĩnh vực văn học nghệ thuật nhưng thiếu sự phối hợp chặt chẽ với Hội Văn học nghệ thuật của tỉnh.

Đại hội lần thứ IV, nhiệm kỳ 2025 - 2030 của Hội đã được tổ chức long trọng vào ngày 10/6/2025 vừa qua. Nghị quyết Đại hội đã được thông qua và Điều lệ hội đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 16/7/2025. Bên cạnh đó, chủ trương và đường lối của Đảng và Nhà nước đã có nhiều quan tâm hơn tới đội ngũ trí thức và giới văn nghệ sĩ. Sự quan tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Liên hiệp hội, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh và sự ủng hộ của các cấp, các ngành, đặc biệt là ngành văn hóa, thể thao và du lịch. Bước vào kỷ nguyên vươn mình của đất nước, đòi hỏi toàn thể cán bộ, hội viên phải vươn lên, đoàn kết phấn đấu xây dựng Hội vững mạnh, đóng góp được nhiều tác phẩm về thơ Đường luật có giá trị và hiệu quả cao, phục vụ tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh nhà. Trong nhiệm kỳ này, Hội đã đề ra và thông qua phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp hoạt động như sau:

Về mục tiêu: Tiếp tục tăng cường tuyên truyền cho toàn thể hội viên về vị trí vai trò của hội trên cơ sở thực hiện Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ, các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh về vai trò, vị trí của hội. Xác định rõ tôn chỉ mục đích của Hội là là một tổ chức văn hóa - xã hội tự nguyện, hoạt động phi lợi nhuận, coi thơ Đường luật là một di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc của những người hoạt động

trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động văn học nghệ thuật, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa nói riêng và cả nước nói chung.

Về nhiệm vụ chủ yếu: (i) Ổn định tổ chức hội, tăng cường hoạt động của Văn phòng hội. BCH hội phải là những người có năng lực hoạt động và nhiệt tình công tác hội. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị cho Văn phòng Hội. Tăng cường hoạt động của các chi hội và đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ giữa lãnh đạo Hội và các chi hội. (ii) Phát triển, mở rộng, kết nạp nhiều hội viên mới, hội viên trẻ, mỗi năm khoảng 5 hội viên. (iii) Tổ chức đi thực tế sáng tác mỗi năm 1 lần, theo từng chủ đề do BTV xây dựng kế hoạch và kinh phí đóng góp, nhằm nâng cao chất lượng sáng tác để có nhiều tác phẩm thơ hay, bám sát hơi thở của cuộc sống. (iv) Phát động sáng tác và tập hợp các tác phẩm thơ hay của hội viên để in các tuyển tập “Thơ Đường luật xứ Thanh” của Hội; phần đầu trong nhiệm kỳ Hội xuất bản được 2 tuyển tập. (v) Khuyến khích các hội viên sáng tác tác phẩm thơ để xuất bản riêng hoặc gửi đăng trong các tuyển tập “Thơ Đường luật Việt Nam” của Hội thơ Đường luật Việt Nam.

Một số giải pháp được đưa ra để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra:

Một là, phải luôn xác định Hội là tổ chức xã hội tự nguyện nên phải luôn tự chủ, tự quản và tự lo. Phối hợp chặt chẽ với Liên hiệp hội, Hội Văn học nghệ thuật của tỉnh và Trung ương Hội thơ Đường luật Việt Nam để tăng thêm sự hỗ trợ. Hưởng ứng và tham gia tích cực các phong trào do tỉnh phát động liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Hai là, tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị và tăng cường công tác tư tưởng cho hội

viên. Tuyên truyền cho mỗi hội viên thực hiện đầy đủ chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, nhằm nâng cao vai trò, tiếng nói và hình ảnh của tri thức, văn nghệ sĩ trong cộng đồng và trong đời sống xã hội trên địa bàn lãnh thổ của địa phương.

Ba là, tái cơ cấu lại các chi hội theo hướng mở rộng hoạt động xuống phường, xã mới khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp. Tạo diễn đàn thông qua các Hội thảo, tập huấn; câu lạc bộ thơ ca; mạng xã hội zalo hoặc facebook để thường xuyên trao đổi kinh nghiệm về sáng tác, viết các bài phê bình tiểu luận các tác phẩm của hội viên nhằm nâng cao chất lượng sáng tác. Tăng cường công tác giao lưu phối hợp và hỗ trợ việc ra mắt tác phẩm thơ (hoặc tập thơ được xuất bản) của các hội viên.

Bốn là, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ lãnh đạo từ BCH hội đến các chi hội, đảm bảo tính năng động, sáng tạo và luôn nhiệt tình với công tác hội. Các hội viên phải nhiệt tình với công tác hội, góp phần xây dựng hội ngày một lớn mạnh.

Năm là, tăng cường công tác thi đua khen thưởng trong toàn hội nhằm tôn vinh những cán bộ, hội viên xuất sắc có nhiều tác phẩm hay đóng góp làm phong phú thêm kho tàng văn hóa của tỉnh nhà để trình đề nghị các cấp khen thưởng.

Thực hiện tốt các giải pháp nêu trên, cùng với sự đồng hành, hỗ trợ của Liên hiệp hội, Hội Văn học nghệ thuật Thanh Hóa và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, chắc chắn hoạt động của Hội thơ Đường luật Thanh Hóa sẽ có bước phát triển tốt hơn, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 theo Nghị quyết số 162/2024/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết 17-NQ/TU ngày 04/7/2024 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về tiếp tục xây dựng, phát triển văn hóa và con người Thanh Hóa trong thời kỳ mới./.

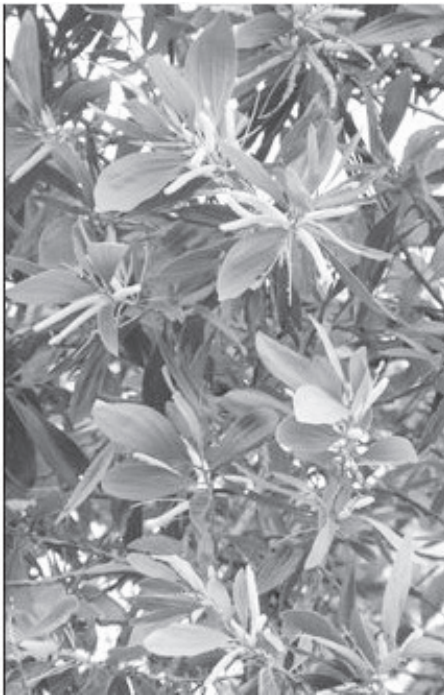
Tiềm năng phát triển cây keo tai tượng tại tỉnh Thanh Hóa

ThS. Trịnh Quốc Hùng, TS. Hoàng Thị Thoa,
ThS. Lê Đình Lịch, ThS. Nguyễn Văn Bình
Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa

Đứng trước nguy cơ suy thoái tài nguyên rừng như hiện nay, việc khuyến khích trồng rừng, chế biến và sử dụng gỗ rừng trồng được xem là giải pháp hữu hiệu làm giảm áp lực về lâm sản gỗ lên rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu phát triển của xã hội. Với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, trong những năm qua, ngành lâm nghiệp Việt Nam đã có sự phát triển rõ rệt, rất nhiều chủ trương, dự án, chính sách phát triển lâm nghiệp đã được ban hành. Bên cạnh đó, nhiều chương trình đầu tư, hỗ trợ vốn để phát triển rừng trồng ra đời để hỗ trợ phát triển ngành lâm nghiệp cùng với chính sách giao đất, giao rừng làm cho người dân yên tâm sử dụng đất lâm nghiệp, hưởng lợi từ rừng và phát triển nghề trồng rừng, nâng cao

thu nhập cho người dân, hạn chế phá rừng, nâng cao độ che phủ của rừng lên trên toàn quốc. Từ đó, ngành lâm nghiệp góp phần vào sự phát triển nền kinh tế quốc gia.

Tại Thanh Hóa, phong trào trồng rừng ngày càng phát triển mạnh. Diện tích trồng rừng trong tỉnh tăng nhanh qua các năm. Như Thanh, Như Xuân, Thường Xuân, Ngọc Lặc,



Cây keo tai tượng.



Vườn keo tại huyện Như Xuân (cũ).

Triệu Sơn (cũ) là những huyện miền núi và vùng bán sơn địa có phong trào trồng rừng phát triển mạnh do có diện tích đất sản xuất lâm nghiệp chiếm hơn 68% tổng diện tích tự nhiên. Do đó, diện tích rừng trồng ngày càng tăng, giá trị mang lại từ rừng ngày càng lớn, góp phần cải thiện đời sống nhân dân và có ý nghĩa trong công tác xoá đói giảm nghèo. Không những thế còn phủ xanh đất trống đồi núi trọc mang lại giá trị gián tiếp từ hoạt động trồng rừng, cải thiện bộ mặt của nông thôn. Tuy nhiên, phần lớn người dân trực tiếp trồng rừng có trình độ nhận thức chưa cao về kỹ thuật trồng và thiếu chăm sóc, cơ sở vật chất hạn chế, đội ngũ khuyến lâm còn mỏng ảnh hưởng đến kết quả và hiệu quả từ rừng trồng, trong đó có cây keo.

Tính đến năm 2024, Thanh Hóa có gần 103.000 ha rừng trồng keo, chiếm 41,46% diện tích rừng trồng của tỉnh chiếm trên 40% diện tích rừng trồng, tập trung chủ yếu tại các huyện cũ: Như Thanh (17.838,98ha); Như Xuân (17.393,08ha); Thường Xuân (14.806ha); Cẩm Thủy (8.784ha); Ngọc Lặc (8.693ha); Thạch Thành (8.077ha); Lang

Chánh (7.465,99ha); Vĩnh Lộc (4.076ha)... Trong đó, keo tai tượng chiếm tỷ lệ đáng kể, góp phần quan trọng vào việc cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ, giấy và cải thiện sinh kế cho người dân vùng nông thôn, miền núi.

Cây keo tai tượng (*Acacia mangium*) là một trong những loài cây trồng chủ lực trong phát triển kinh tế lâm nghiệp của tỉnh. Với đặc tính sinh trưởng nhanh, thích nghi tốt

với điều kiện đất đai và khí hậu địa phương, keo tai tượng được trồng rộng rãi ở các vùng miền núi tại các huyện như Như Thanh, Như Xuân, Thường Xuân, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Thạch Thành, Lang Chánh và Vĩnh Lộc (cũ).

Keo tai tượng là loài gỗ rừng trồng có mức tăng trưởng cao nhất so với các loài gỗ rừng trồng khác hiện có ở Thanh Hóa. Nhiều nghiên cứu cho thấy quá trình sinh trưởng phát triển của các mô hình trồng cây keo có tốc độ sinh trưởng, phát triển rất tốt và mang lại lợi ích kinh tế cao hơn hẳn so với các loài cây trồng rừng truyền thống. Đồng thời phát huy chức năng bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Mặt khác, khi trồng thâm canh thì sản lượng rừng trồng keo ngày càng có xu hướng tăng, nhu cầu của thị trường về loài gỗ này lớn, các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển rừng trồng, cải thiện về khoa học công nghệ trong trồng, chăm sóc và quản lý các diện tích rừng cũng được quan tâm, nên tiềm năng trong việc nâng cao năng suất và chất lượng loài gỗ keo ở Thanh Hóa trong tương lai là rất lớn.

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của giống trong việc nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, các chủ rừng ngày càng quan tâm đến chất lượng cây giống của các cơ sở sản xuất giống. Rất cần thiết có thêm các cơ sở sản xuất, kinh doanh các giống keo có chất lượng giống được cải thiện, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương góp phần tạo ra những khu rừng phù hợp với mục tiêu kinh doanh của người sản xuất lâm nghiệp. Sản xuất và kinh doanh cây giống keo tại Thanh Hoá là một tiềm năng phát triển và góp phần triển kinh tế - xã hội cho người dân địa phương.

Trong những năm gần đây, diện tích rừng trồng keo ngày càng được mở rộng nên nhu cầu cây giống lớn. Tuy nhiên, do có rất nhiều giống keo khác nhau, mỗi giống lại có đặc điểm sinh trưởng, phát triển và hiệu quả ở các điều kiện lập địa khác nhau nên có những giống tỏ ra không phù hợp với mục đích kinh doanh của chủ rừng. Mặt khác, do nhu cầu cây giống lên nên đã có những cơ sở sản xuất

giống có nguồn giống cung cấp thị trường chưa bảo đảm tiêu chuẩn, nguồn gốc, xuất xứ chưa rõ ràng, đã làm năng suất chất lượng rừng trồng thấp.

Vì vậy sản xuất, kinh doanh cây giống keo có chất lượng tốt, đúng quy định công tác giống lâm nghiệp là một hướng đi đúng và nhiều tiềm năng, đồng thời góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội cho người dân sản xuất xuất ngành lâm nghiệp. Đồng thời tạo ra một môi trường học tập cho học sinh, sinh viên thuộc Khoa Nông lâm nghiệp, là nơi nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của Trường Cao đẳng Nông Nghiệp Thanh Hóa.

Qua đánh giá 5 huyện (cũ) có diện tích đất lâm nghiệp rất lớn, là một trong những điểm điển hình sản xuất keo của tỉnh Thanh Hóa gồm có: Triệu Sơn, Như Thanh, Như Xuân, Thường Xuân, Ngọc Lặc. Với những lợi thế về điều kiện tự nhiên cũng như chính sách ưu tiên phát triển lâm nghiệp của các huyện cây keo đã và đang khẳng định vị thế của nó trong cơ cấu cây lâm nghiệp.

Với việc chuyển đổi cơ cấu cây lâm nghiệp đặc biệt là chuyển đổi cây xoan hiệu quả thấp sang trồng cây keo cho năng suất cao nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất cây lâm nghiệp cũng như cải thiện đời sống của người dân trong huyện.

Sản xuất keo trên địa bàn 5 huyện (cũ) những năm qua phát triển với tốc độ càng nhanh do nhu cầu gỗ nguyên liệu giấy, ván dăm. Nhu cầu sử dụng sản phẩm từ keo ngày càng tăng, giá bán



Vườn keo tại huyện Như Thanh (cũ).

sản phẩm cao và liên tục tăng là một trong những động lực mạnh mẽ để người dân mở rộng diện tích trồng keo và đầu tư thâm canh tăng năng suất. Bên cạnh đó, người dân xã thấy được hiệu quả kinh tế từ cây keo mang lại cao hơn so với các loại cây lâm nghiệp khác, và đặc biệt là loại cây này phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện.

Một trong những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả cây keo là phương thức bán sản phẩm. Hiện nay, trên địa bàn 5 huyện các hộ tự tổ chức thu hoạch khi cây đến tuổi vẫn còn ít, đa số bán bằng hình thức bán trộm, bán cấp. Hình thức này tương đối nhanh song phần thiệt hại lại thuộc về người dân do việc đánh giá sản lượng cây đứng chưa chính xác, thêm vào đó là hình thức tư thương ép giá. Hình thức bán này thường diễn ra đối với các hộ chủ yếu sản xuất với quy mô nhỏ, vốn ít nên trang bị vật chất kỹ thuật cho sản xuất còn thiếu, không có phương tiện khai thác nên buộc phải bán chịu, bán cấp.

Qua đợt khảo sát và đánh giá những thuận lợi và khó khăn của các hộ trồng rừng trên địa bàn 5 huyện (cũ), chúng tôi xin đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế cây keo lai trên địa bàn tỉnh như sau:

Giải pháp về quy hoạch đất đai

Cần có quy hoạch đất trồng rừng chi tiết về rừng sản xuất, rừng phòng hộ đến từng thôn, từng hộ gia đình nhằm chấm dứt tình trạng đất quy hoạch phát triển trồng rừng sản xuất bị lấn chiếm sử dụng sai mục đích. Ưu tiên giao đất trống đồi núi trọc nhằm khuyến khích và tạo điều kiện để các thành phần kinh tế mở rộng loại hình kinh tế trang trại, vườn rừng, kinh tế hộ gia đình để kinh doanh có hiệu quả. Áp dụng mô hình trồng xen keo khi cây keo vừa mới trồng, vừa tận dụng được quỹ đất vừa tăng thu nhập cho các hộ gia đình.

Giải pháp về thị trường tiêu thụ sản phẩm và tín dụng

Cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ nông dân tìm kiếm thị trường tiêu thụ, hướng dẫn họ cách xác định mức cung, cầu về sản phẩm rừng trồng nói chung và keo nói riêng. Khuyến khích nhiều thành phần kinh tế tham gia vào thị trường, tránh tình trạng độc quyền mua bán. Các đơn vị có chức năng kinh doanh lâm sản, các chủ rừng có khả năng kinh doanh tổ chức ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm rừng trồng hộ gia đình để đảm bảo ổn định thị trường dưới nhiều hình thức, đầu tư cho người dân chi phí xây dựng cơ bản. Có cơ chế hỗ trợ vốn cho các cơ sở chế biến gỗ dân dụng để tăng quy mô sản xuất, đáp ứng đủ nhu cầu đồ gia dụng cho các hộ gia đình tại địa phương.

Giải pháp về công tác giống cây trồng

Muốn đáp ứng nhu cầu về giống có chất lượng cho rừng trồng, phải xác định cơ cấu các loại cây trồng rừng chủ lực để có kế hoạch nghiên cứu và sản xuất giống. Căn cứ vào kế hoạch trồng rừng kinh tế trên địa bàn huyện trong năm và năm tới để chủ động được nguồn giống ngay từ đầu vụ. Đơn vị cung ứng giống phải cung ứng đủ giống, giống phải được kiểm định và bảo hành. Từng bước khuyến cáo hộ gia đình sử dụng giống gieo ươm từ hạt có nguồn gốc rõ ràng. Tăng cường công tác quản lý giống trên địa bàn để đảm bảo sản xuất giống cây có chất lượng, cũng như kiểm định giống cây con trước khi xuất vườn và đem bán cho các hộ trồng rừng.

Để cây keo khẳng định tốt hơn nữa vị thế của nó và để hoạt động trồng keo mang lại hiệu quả kinh tế cao thì không chỉ cần có sự nỗ lực của người dân sản xuất mà cần thiết phải có sự hỗ trợ, quan tâm nhiều từ phía chính quyền địa phương để không chỉ phát triển cây keo lai ở thời điểm hiện tại mà cả tương lai sau này, hướng đến sản xuất lâm nghiệp hiệu quả và bền vững./.

TIN HOẠT ĐỘNG

Hội nghị thông tin chuyên đề về đóng góp của nhân sĩ, trí thức, người giàu trong Cách mạng Tháng Tám

Ngày 15/8/2025, Liên hiệp hội phối hợp với Câu lạc bộ Hàm Rồng tổ chức Hội nghị thông tin chuyên đề KH&CN "Cách mạng Tháng Tám và vai trò của nhân sĩ, trí thức, những người giàu đóng góp cho cách mạng" do PGS.TS. Trần Đức Cường - Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam làm diễn giả.

Tới dự có các đồng chí Ủy viên BCH Liên hiệp hội, chủ tịch, phó chủ tịch các hội thành viên, ban lãnh đạo các trung tâm trực thuộc; Ban lãnh đạo và các hội viên Câu lạc bộ Hàm Rồng.

Tại hội nghị, các đại biểu được nghe diễn giả trình bày về những đóng góp của những nhân sĩ, trí thức yêu nước trong công cuộc giải phóng dân tộc và phát triển đất nước, được lịch sử Việt Nam ghi nhận.

Từ đầu thế kỷ XX, trước cách mạng tháng Tám, nước ta có nhiều phong trào hoạt động của trí thức, tác động xã hội rất lớn; trong đó có phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục dưới hình thức một trường học hợp pháp và

mở rộng ra các tỉnh, liên hệ với phong trào Duy Tân ở miền Trung và Đông du ở nước ngoài. Các nhà tư sản góp tiền, trí thức góp công, mở trường dạy nghề, dạy học miễn phí cho dân. Sau đó, chính quyền thực dân Pháp giải tán trường, đàn áp trí thức, đày họ ra Côn Đảo.

Những năm 1930, nhiều trí thức đã đóng vai trò nòng cốt trong các tổ chức văn hóa hoạt động công khai. Các hoạt động này mạnh mẽ xuất hiện và sôi nổi cho đến năm 1945, khi Cách mạng tháng Tám thành công.

Cách mạng tháng Tám 1945, tuyệt đại đa số trí thức Việt Nam đều đi theo kháng chiến góp phần làm nên chiến thắng. Hồ Chủ tịch tập hợp được bên mình những trí thức lớn: Trần Đại Nghĩa, Tôn Thất Tùng, Vũ Đình Huỳnh, Trần Duy Hưng... Từ đó, thêm các nhà tư sản lừng danh của Hà Thành như: Trịnh Văn Bô... và "tuần lễ vàng" ủng hộ Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa tuyên bố độc lập ngày 2/9/1945. Đảng và Nhà nước cách mạng chú trọng vai trò của trí thức trong đời sống chính trị, xây dựng chính quyền và kiến thiết đất nước, tham gia sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc...

Hội nghị thông tin chuyên đề là cơ hội gặp gỡ, giao lưu giữa cán bộ, hội viên của Liên hiệp hội và Câu lạc bộ Hàm Rồng; giúp các hội viên cập nhật các thông tin về khoa học công nghệ, văn hóa, chính trị, xã hội của đất nước và thế giới hiện nay./.



Toàn cảnh hội nghị.

TIN HOẠT ĐỘNG

Hội thảo phản biện đề án đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp bán dẫn tại Thanh Hóa

Ngày 04/9/2025, Liên hiệp hội tổ chức Hội thảo khoa học phản biện “Đề án mở ngành đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp bán dẫn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” với sự tham gia của các thành viên Hội đồng khoa học phản biện, các chuyên gia, nhà khoa học của Liên hiệp hội; đại diện các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh và lãnh đạo Trường Đại học Hồng Đức - đơn vị chủ trì soạn thảo đề án.

Theo dự thảo Báo cáo nghiên cứu phục vụ phản biện được trình bày tại Hội thảo, đề án được nghiên cứu xây dựng một cách công phu, nghiêm túc; kết cấu, bố cục tương đối hợp lý; nội dung trình bày logic, cụ thể, chi tiết; tài liệu, phụ lục đảm bảo minh chứng về mục tiêu và lộ trình thực hiện; đã cơ bản tiếp thu đầy đủ các ý kiến góp ý của các sở, ngành, đơn vị liên quan. Tuy nhiên, tên, kết cấu, nội dung của dự thảo đề án còn có một số điểm chưa sát, chưa phù hợp với nhiệm vụ được giao nên cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện.

Thảo luận tại hội thảo, các đại biểu thống nhất cần thiết ban hành đề án, coi đây là bước đi quan trọng để Thanh Hóa chủ động đón đầu xu thế phát triển công nghiệp bán dẫn. Đồng thời, nhiều ý kiến đề nghị làm rõ hơn căn cứ khoa học và thực tiễn của việc mở ngành đào tạo, gắn trực tiếp với chiến lược quốc gia; bổ sung đánh giá về tiềm năng, lợi thế và những thách thức của tỉnh; dự báo nhu cầu nhân lực cụ thể theo từng trình độ; cũng như xác định rõ trách nhiệm



Chủ tịch Liên hiệp hội Nguyễn Văn Phát chủ trì hội thảo.



Các đại biểu tham gia phản biện đề án.

của các cơ sở đào tạo trong tổ chức thực hiện.

Bên cạnh đó, đề án cần có lộ trình rõ ràng, đi kèm cơ chế, chính sách cụ thể để xây dựng đội ngũ giảng viên, đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng hợp tác quốc tế và tăng cường liên kết với doanh nghiệp. Đây là yếu tố then chốt để vừa bảo đảm tính khả thi, vừa tạo sức hút với các nhà đầu tư.

Sau hội thảo, Liên hiệp hội hoàn thiện Báo cáo phản biện, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định; đồng thời, gửi cơ quan soạn thảo tiếp thu và hoàn thiện./.

Phản biện chính sách thu hút bác sĩ trình độ cao, bác sĩ làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập

Ngày 30/9/2025, Liên hiệp hội tổ chức Hội thảo khoa học phản biện “Nghị quyết ban hành chính sách thu hút bác sĩ trình độ cao và bác sĩ làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030” với sự tham gia của thành viên hội đồng phản biện, các chuyên gia, nhà khoa học của Liên hiệp hội; đại diện Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh, các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và lãnh đạo Sở Y tế - cơ quan soạn thảo chính sách.

Theo ý kiến của hội đồng phản biện, cơ quan soạn thảo cần nhấn mạnh sự cần thiết của việc ban hành chính sách thu hút bác sĩ trình độ cao và bác sĩ làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, Nghị quyết nhằm thu hút các bác sĩ có chuyên môn cao, bác sĩ giỏi về làm việc



Chủ tịch Liên hiệp hội Nguyễn Văn Phát chủ trì hội thảo.

tại các cơ sở y tế công lập, góp phần giải quyết tình trạng thiếu bác sĩ và cải thiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân.

Về nội dung dự thảo Nghị quyết, đề nghị làm rõ hơn các chính sách thu hút bác sĩ, nhất là bác sĩ có trình độ cao về làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Trong

đó: cần quan tâm đến chế độ đãi ngộ, tăng mức hỗ trợ hàng tháng để tạo động lực thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao này; xem xét sắp xếp vị trí việc làm phù hợp khi thu hút được bác sĩ làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; tạo điều kiện để các bác sĩ, đặc biệt là bác sĩ trẻ được học tập nâng cao trình độ và phát triển sự nghiệp.

Sau hội thảo, Liên hiệp hội hoàn thiện Báo cáo phản biện, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định; đồng thời, gửi cơ quan soạn thảo tiếp thu và hoàn thiện./.



Toàn cảnh hội thảo.

TIN HOẠT ĐỘNG

Hội thảo khoa học về giải pháp xử lý môi trường trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng ý thức chấp hành pháp luật của nông dân

Ngày 10/10/2025, Liên hiệp hội phối hợp với Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa tổ chức Hội thảo khoa học “Giải pháp xử lý môi trường trong sản xuất nông nghiệp và khu vực nông thôn và xây dựng ý thức chấp hành pháp luật của nông dân trong thực hiện cam kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm đã ký với các nhà máy, cơ sở chế biến nông sản”.

Tại hội thảo, các đại biểu tham luận đã tập trung trình bày về thực trạng, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp liên quan đến 2 nhóm vấn đề trọng tâm của hội thảo, đó là:

Ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp và khu vực nông thôn là vấn đề phức tạp, đòi hỏi có các giải pháp đồng bộ, toàn diện, từng bước khắc phục các tồn tại hiện nay. Một số giải pháp được các đại biểu đưa ra như: tổ chức quản lý vật tư nông nghiệp theo hướng bền vững, xử lý kỹ thuật sản xuất trên cơ sở canh tác tổng hợp; tiếp tục xử lý rác thải bằng các công nghệ hiện tại đồng thời ứng dụng các công nghệ mới; hạn chế, ngăn chặn tình trạng đốt phế, phụ phẩm gây ô nhiễm không khí, tái sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, áp dụng công nghệ chế biến phụ phẩm thành vật liệu, nhiên liệu sinh học; tăng cường công tác truyền thông bằng công nghệ cao, đa phương tiện, truyền thông bền



Toàn cảnh hội thảo.

bì; sản xuất tuần hoàn, công nghệ xanh, sản xuất quy mô lớn...

Xây dựng ý thức chấp hành pháp luật của nông dân trong thực hiện cam kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm là yếu tố then chốt để phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp bền vững. Vì vậy, cần tập trung vào các giải pháp về xây dựng hệ thống đồng bộ, nâng cao nhận thức về pháp luật cho nông dân; hoàn thành các công cụ hợp đồng trong bao tiêu sản phẩm; thiết lập cơ chế giải quyết tranh chấp hợp đồng; xây dựng mối quan hệ tin cậy, lợi ích hài hòa giữa người dân và doanh nghiệp.

Trên cơ sở hội thảo, Liên hiệp hội tiếp thu, tổng hợp ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học và kiến nghị với tỉnh những chủ trương, chính sách phù hợp, góp phần xây dựng nền nông nghiệp xanh, sạch, bền vững và phát triển kinh tế nông thôn ổn định./.

Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sen trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá

ThS. Lê Thị Dung
Viện Nông nghiệp Thanh Hoá

Thanh Hóa là địa phương có diện tích tự nhiên lớn, với hệ sinh thái đa dạng và nguồn nước phong phú, thuận lợi để phát triển mô hình sản xuất sen tập trung ở các huyện như Thọ Xuân, Vĩnh Lộc, Triệu Sơn, Yên Định (cũ)... Những khu vực này có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển cây sen - một loại cây trồng truyền thống, có giá trị đa mục đích (lấy hoa, lấy hạt, lấy củ, làm cảnh, dược liệu và chế biến thực phẩm).

Trong bối cảnh nông nghiệp tái cơ cấu theo hướng gia tăng giá trị và phát triển bền vững, cây sen nổi lên như một đối tượng cây trồng đa dụng, thích hợp với mô hình canh tác nông nghiệp hữu cơ, du lịch sinh thái và sản xuất hàng hóa có giá trị cao. Hiện nay, nhiều sản phẩm từ sen đã được



Mô hình sản xuất giống sen của dự án.

thương mại hóa rộng rãi, bao gồm: hạt sen sấy khô, trà sen, tinh dầu sen, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm chiết xuất sen, thậm chí là vải làm từ sợi sen. Đặc biệt, các mô hình liên kết chuỗi giá trị từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ sen đang được triển khai ở nhiều địa phương nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và đảm bảo tính bền vững trong khai thác tài nguyên bản địa.

Hiện nay, cây sen được xem là một trong những cây dược liệu có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển nhưng thực trạng sản xuất, chế biến và tiêu thụ sen trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa vẫn chưa thực sự phát triển vì một số bất cập như: Diện tích đất trồng Sen còn ít, nhỏ lẻ, phân tán ở nhiều nơi, nông dân trồng sen theo kinh nghiệm; việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, hiện đại trong sản xuất chưa được hỗ trợ giải quyết thỏa đáng; thị trường tiêu thụ, khuyến khích hỗ trợ hoạt động xuất khẩu chưa được quan tâm đúng mức, chưa tạo được chuỗi liên kết từ khâu sản xuất đến tiêu thụ quy mô lớn. Đặc biệt là chưa quan tâm đến chất lượng sản phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm. Việc sản xuất giống, canh tác sen lấy hoa, sen lấy hạt, chế biến và tiêu thụ hạt sen đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm chưa đáp ứng được cho giới tiêu thụ những loại sản phẩm sạch, vệ sinh đúng như đòi hỏi của người tiêu dùng trong và ngoài nước.

Xuất phát từ thực tế trên, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa xây dựng dự án “Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sen (*Nelumbo nucifera*) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”. Để giải quyết những vấn đề còn tồn tại từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm từ sen gắn với du lịch sinh thái tại tỉnh Thanh Hóa đạt giá trị kinh tế cao, sản phẩm có thể mạnh, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất và chế biến, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh phục vụ hàng hóa trên thị trường và xuất khẩu, tăng thu nhập, phát triển kinh tế nâng cao đời sống cho cộng đồng tại địa phương, giảm áp lực lên tài nguyên thiên nhiên và đây cũng chính là định hướng để phát triển ngành nông lâm của địa phương phù hợp với Quyết định số 1747/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình

hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025.

Đến nay, dự án đã thực hiện và hoàn thành các nội dung ban đầu theo kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

Viện Nông nghiệp Thanh Hóa đã phối hợp với đơn vị hỗ trợ công nghệ là Trung tâm Tài nguyên Thực vật tổ chức thực hiện chuyển giao 5 quy trình kỹ thuật bao gồm: Quy trình kỹ thuật nhân giống sen; quy trình kỹ thuật canh tác sen Tây Hồ; quy trình kỹ thuật canh tác sen Mặt Bằng; quy trình kỹ thuật sản xuất, chế biến hạt sen sấy khô và quy trình kỹ thuật sản xuất, chế biến hạt sen tẩm gia vị ăn liền.

Xây dựng các mô hình dự án, cụ thể là:

- Mô hình sản xuất giống sen lấy hoa và lấy hạt đã nghiệm thu mô hình ngày 08/5/2024 với kết quả đạt được như sau: Quy mô 1.000m² (gồm 300 m² giống sen lấy hoa (sen Tây Hồ) và 700m² giống sen lấy hạt (sen Mặt Bằng)). Tổng số lượng giống đã sản xuất đạt tiêu chuẩn xuất vườn: giống sen lấy hạt là 44.500 cây giống (ngó giống), giống sen lấy hoa là 12.500 cây giống (ngó giống).

- Mô hình trồng thương phẩm tập trung lấy hoa và lấy hạt đã thực hiện trồng với quy mô 9ha tại thôn Đẳng Lâu, xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân (nay thuộc xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa). Đã thực hiện thu hái cho đến thời điểm hiện tại mô hình đã thu hoạch được 21.584 bông (đường kính hoa 15-19cm; Chiều dài nụ 14-18cm); sen lấy hạt 14.3 tấn hạt tươi (số hạt/ gương 38-43 hạt, số hạt chắc/gương đạt 89% hạt) phục vụ mô hình sản xuất, chế biến và tiêu thụ hạt sen.

- Mô hình trồng sen thương phẩm phân tán lấy hoa và lấy hạt đã triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai có một số vướng mắc, ban thực hiện dự án đã báo cáo và được điều chỉnh địa điểm triển khai. Đến

KHOA HỌC THANH HÓA

nay, mô hình đã thực hiện trồng đủ 20/20ha theo thuyết minh dự án đã phê duyệt. Đến thời điểm hiện tại, mô hình trồng sen lấy hoa đã thu hoạch 48.725 bông (đường kính hoa đạt 12 - 16cm, chiều dài nụ 10 - 14cm); đối với sen lấy hạt là 32.2 tấn hạt tươi (trung bình số hạt/ gương 34 - 39 hạt, số hạt chắc/ gương đạt 84% hạt) phục vụ cho mô hình sản xuất, chế biến và tiêu thụ hạt sen.

Đã tổ chức tiếp nhận quy trình kỹ thuật cho 10 kỹ thuật viên nắm vững được kiến thức về các quy trình công nghệ thuộc dự án, có khả năng tham gia xây dựng mô hình và hướng dẫn cho người dân thực hiện.

Ban thực hiện dự án đã triển khai thực hiện tập huấn quy trình kỹ thuật canh tác giống Sen Tây Hồ (sen lấy hoa) và giống Sen Mặt Bằng (sen lấy hạt) với tổng số lớp tập huấn 6 lớp, quy mô là 50 người/lớp. Tổng số người được tập huấn là 300 lượt người tại huyện Thọ Xuân và huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Buổi tập huấn đã cung cấp một số kiến thức cơ bản về kỹ thuật trồng sen và

các công dụng của cây sen đối với đời sống; những kiến thức cơ bản về sử dụng phân bón, chọn giống, quy trình chăm sóc đến khâu thu hoạch và bảo quản một cách hiệu quả nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích, góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn ở địa phương.

Viện Nông nghiệp Thanh Hóa thực hiện dự án là một hướng đi thiết thực, phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp xanh, bền vững. Việc nhân rộng mô hình không chỉ góp phần nâng cao giá trị kinh tế nông nghiệp mà còn bảo tồn các giống sen quý, phát huy tiềm năng địa phương. Việc hỗ trợ về chính sách, kỹ thuật và đầu tư sẽ là chìa khóa để mô hình lan tỏa rộng hơn trong thời gian tới. Viện sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất về mặt bằng, cơ sở hạ tầng, tiếp tục vận động nhân dân mở rộng mô hình, tích cực áp dụng tiến bộ kỹ thuật; phối hợp tìm kiếm thị trường, xây dựng thương hiệu sản phẩm sen của địa phương./.



Người dân tham gia lớp tập huấn kỹ thuật.

Quốc hiệu và tên thủ đô Việt Nam qua các thời kỳ

Huy Hoàng

Tên nước (quốc hiệu) và tên thủ đô luôn là hai trong số những cái tên thiêng liêng nhất đối với mỗi dân tộc, mỗi con người. Nó khẳng định sự tồn tại và chủ quyền của một quốc gia, thể hiện ý thức và niềm tự hào dân tộc, cũng như sự bình đẳng với các nước khác trên thế giới. Qua mấy ngàn năm lịch sử, để hình thành “Việt Nam” và “Hà Nội” như ngày nay, quốc hiệu và tên thủ đô nước ta đã phải trải qua không ít thăng trầm.

Từ đầu thời đại đồng thau, các bộ lạc người Việt đã định cư chắc chắn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Bây giờ có khoảng 15 bộ lạc Lạc Việt sống chủ yếu ở miền trung du và đồng bằng Bắc Bộ, hàng chục bộ lạc Âu Việt (Tây Âu) sống chủ yếu ở miền Việt Bắc. Tại nhiều nơi, người Lạc Việt và người Âu Việt sống xen kẽ với nhau, bên cạnh các thành phần dân cư khác.

Do nhu cầu trị thủy, nhu cầu chống ngoại xâm và do việc trao đổi kinh tế, văn hóa ngày càng gia tăng, các bộ lạc sinh sống gần gũi nhau có xu hướng tập hợp và thống nhất lại. Trong số các bộ lạc Lạc Việt, bộ lạc Văn Lang hùng mạnh hơn cả. Thủ lĩnh bộ lạc này là người đứng ra thống nhất tất cả các bộ lạc Lạc Việt, dựng nên nước Văn Lang, đặt kinh đô tại Phong Châu (thuộc Bạch Hạc - Phú Thọ ngày nay), tự xưng vua - mà sử cũ gọi là Hùng Vương và con cháu ông nhiều đời về sau vẫn nối truyền danh hiệu đó.

Căn cứ vào các tài liệu sử học, có thể tạm xác định địa bàn nước Văn Lang tương ứng với vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ nước ta hiện nay cùng với một phần phía nam Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc). Thời gian tồn tại của nước Văn Lang khoảng từ đầu thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên (TCN) đến thế kỷ III TCN.

Năm 221 TCN, Tần Thủy Hoàng cho quân xâm lược đất của toàn bộ các nhóm người Việt. Thục Phán - thủ lĩnh liên minh các bộ lạc Âu Việt - được tôn làm người lãnh đạo cuộc chiến chống Tần. Năm 208 TCN, quân Tần phải rút lui. Với uy thế của mình, Thục Phán xưng vương (An Dương Vương), liên kết các bộ lạc Lạc Việt và Âu Việt lại, dựng nên nước Âu Lạc.

Năm 179 TCN, Triệu Đà - vua nước Nam Việt - tung quân đánh chiếm Âu Lạc. Cuộc kháng cự của An Dương Vương thất bại. Suốt 7 thế kỷ tiếp đó, mặc dù các thế

lực phong kiến phương Bắc thay nhau đô hộ, chia nước ta thành nhiều châu, quận với những tên gọi khác lạ mà chúng đặt ra, nhưng vẫn không xóa nổi cái tên “Âu Lạc” trong ý thức, tình cảm và sinh hoạt thường ngày của nhân dân ta.

Mùa xuân năm 542, Lý Bí khởi nghĩa, đánh đuổi quân Lương, giải phóng lãnh thổ. Tháng 02/544, Lý Bí chính thức lên ngôi Hoàng đế (Lý Nam Đế), đóng đô ở Long Biên, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, khẳng định niềm tự tôn dân tộc, độc lập với các hoàng đế ở phương Bắc và mong muốn đất nước được bền vững muôn đời.

Chính quyền Lý Bí tồn tại không lâu rồi lại rơi vào vòng đô hộ của các triều đình Trung Quốc (từ năm 602). Quốc hiệu Vạn Xuân bị vùi dập và chỉ được khôi phục sau khi Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán bằng chiến thắng Bạch Đằng năm 938, chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc. Năm 939, Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa để - như lời sử cũ - “tỏ ý nối tiếp quốc thống xưa của

An Dương Vương” và xây dựng một chính quyền trung ương độc lập.

Năm 968, sau khi dẹp yên các sứ quân cát cứ, thống nhất quốc gia, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng), đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt (nước Việt lớn), định đô ở Hoa Lư (thuộc Gia Viễn - Ninh Bình ngày nay).

Kế tiếp nhà Đinh, nhà Tiền Lê (980 - 1009) vẫn giữ nguyên quốc hiệu, tên và vị trí thủ đô.

Năm 1010, ngay sau khi lên ngôi, Lý Công Uẩn vì thấy Hoa Lư chật hẹp, hẻo lánh, không thể làm trung tâm đất nước, đã quyết định dời thủ đô từ Hoa Lư về thành Đại La. Tương truyền vua nhìn thấy rồng vàng bay lên ở đó, bèn đặt tên thủ đô mới là Thăng Long (Hà Nội ngày nay). Mục đích của việc dời đô được Lý Công Uẩn nêu rõ trong Chiếu thiên đô: “đóng nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế lâu dài cho con cháu đời sau”. Vị Thái Tổ nhà Lý đã sớm nhận thấy “thế rồng cuộn hổ ngồi,



Cổ đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (Ảnh sưu tầm).

vị trí thích trung với bốn phương: đông - tây - nam - bắc, thuận cho chiều hướng gặp gỡ của núi sông” và đánh giá Thăng Long “thật là chỗ hội tụ bốn phương, là nơi đô thành bậc nhất của đế vương muôn đời”!

Tháng 11/1054, nhân điềm lành lớn là việc xuất hiện một ngôi sao sáng chói nhiều ngày mới tắt, nhà Lý liền cho đổi quốc hiệu là Đại Việt, thể hiện niềm tự tôn và ý thức bình đẳng sâu sắc của nước ta với các nước xung quanh.

Hai cái tên Đại Việt và Thăng Long được giữ nguyên suốt thời Lý (1010 - 1225) và thời Trần (1226 - 1400).

Tháng 3/1400, Hồ Quý Ly phế Trần Thiếu Đế, lập ra nhà Hồ. Quý Ly cho đổi quốc hiệu thành Đại Ngu (“ngu” tiếng cổ có nghĩa là “sự yên vui”). Vẫn lấy Thăng Long làm thủ đô, nhưng ngay từ năm 1397, Quý Ly đã cho xây thành Tây Đô rất lớn (thuộc Vĩnh Lộc - Thanh Hóa ngày nay), coi đây như “thủ đô thứ hai”. Cũng vì có Tây Đô mà Thăng Long còn được gọi là Đông Đô. Quốc hiệu đó tồn tại cho đến khi giặc Minh đánh bại triều Hồ (tháng 4/1407).

Sau 10 năm kháng chiến (1418 - 1427), cuộc khởi nghĩa chống Minh của Lê Lợi toàn thắng. Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi, đặt lại quốc hiệu là Đại Việt (lãnh thổ nước ta lúc này về phía nam đã tới Thuận Hóa), thủ đô là Thăng Long.

Năm 1527, Mạc Đăng Dung xóa bỏ nhà Lê, lập ra nhà Mạc, đóng đô tại Thăng Long (Đông Đô). Nguyễn Kim - trung thần



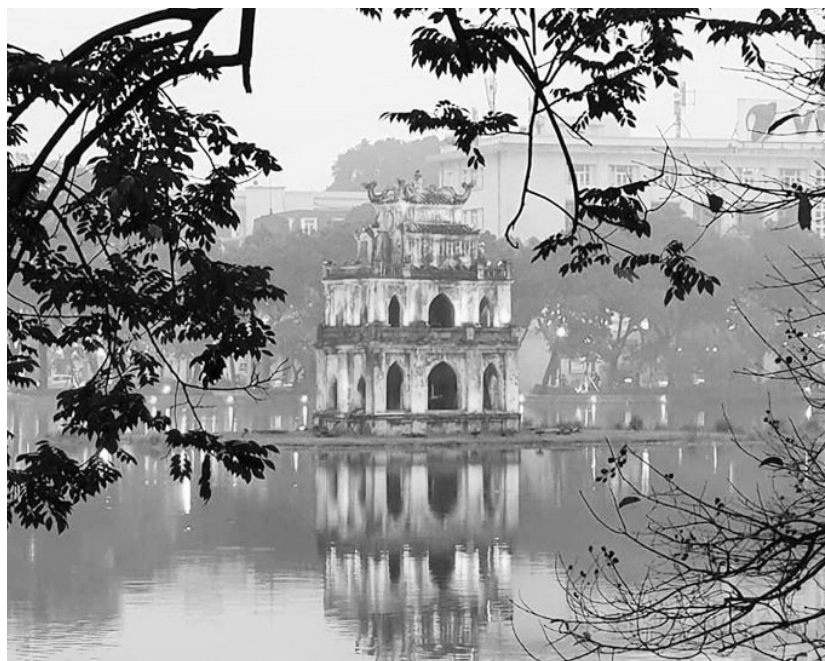
Kinh thành Huế (Ảnh sưu tầm).

nhà Lê - chạy vào Thanh Hóa, tôn Lê Duy Ninh lên ngôi vua (Lê Trang Tông), xây dựng chính quyền riêng, đóng tại Tây Đô.

Năm 1545, Nguyễn Kim chết, quyền lực rơi vào tay con rể là Trịnh Kiểm. Năm 1592, nhà Mạc bị họ Trịnh (vẫn trên danh nghĩa phù Lê) đánh bại, phải chạy lên Cao Bằng và bị tận diệt vào năm 1692.

Nguyễn Hoàng - con Nguyễn Kim - xin vào trấn thủ các đất Thuận Hóa, Quảng Nam, rồi phát triển lực lượng chống lại họ Trịnh. Từ năm 1627 đến năm 1672, Trịnh - Nguyễn đánh nhau dử dội mà bất phân thắng bại, phải lấy sông Gianh làm giới tuyến. Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài (Bắc Hà), đóng đô tại Thăng Long; chúa Nguyễn ở Đàng Trong (Nam Hà), đóng đô tại Thuận Hóa, rồi Phú Xuân (Huế ngày nay).

Năm 1771, ba anh em Tây Sơn (Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ) khởi nghĩa. Năm 1778, khi đã đánh bại chúa Nguyễn (lần thứ nhất), Nguyễn Nhạc lên ngôi. Năm 1786, đánh bại chúa Trịnh, Nguyễn Nhạc xưng là Trung ương Hoàng đế, đóng đô ở Quy Nhơn. Cuối năm 1788, Nguyễn Huệ cũng lên ngôi Hoàng đế, đóng đô tại Phú



Hồ Gươm, thủ đô Hà Nội (Ảnh sưu tầm).

Xuân. Như vậy, thời kỳ này cùng tồn tại 2 chính quyền và 2 thủ đô.

Sau khi đánh tan quân Thanh và chinh phục đất Bắc Hà, Nguyễn Huệ chuẩn bị dời đô (thực ra, ý định này có ngay từ năm 1778). Địa điểm lựa chọn lúc đầu là Phủ Thạch, bên sông Lam, dưới chân núi Nghĩa Liệt, nhưng không thành. Tiếp đó, Nguyễn Huệ định chọn xã Yên Trường, huyện Châu Lộc (tức Vinh hiện nay), cũng không thành. Cuối cùng, ông lại chọn địa điểm mới dưới chân núi (Dũng) Quyết ở gần Bến Thủy, với tên “Phượng Hoàng trung đô”. Nhưng kinh đô mới vừa được khởi công xây dựng thì bị bỏ do ông mất đột ngột (năm 1792).

Hai tiếng “Việt Nam” xuất hiện khá sớm - ít nhất là từ thế kỷ XIV - và được ghi nhận trong nhiều thư tịch như: Việt Nam thế chí của Hồ Tông Thốc, Dư địa chí của Nguyễn Trãi, Trình tiên sinh quốc ngữ văn của Nguyễn Bình Khiêm, Vân đài loại ngữ của Lê Quý Đôn, Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú... Đặc biệt, trong Dụ Am văn tập của Phan Huy Ích có bài Tuyên cáo về việc đặt quốc hiệu mới của vua Quang Trung (Nguyễn Huệ) - theo đó, mùa xuân

năm Nhâm Tý 1792, Nguyễn Huệ đã cho đổi quốc hiệu là Việt Nam.

Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi, đóng đô ở Phú Xuân, đặt quốc hiệu là Việt Nam (năm 1804 được nhà Thanh ở Trung Quốc chính thức thừa nhận). Nguyễn Ánh vẫn giữ tên gọi Thăng Long là Bắc Thành - do Nguyễn Huệ đổi trước đó. Đến năm 1805, Nguyễn Ánh mới khôi phục địa danh Thăng Long.

Năm 1831, vua Minh Mạng chia Bắc Thành tổng trấn ra nhiều tỉnh hạt. Huyện Từ Liêm thuộc tỉnh Sơn Tây được đưa

vào phủ Hoài Đức, gộp với các phủ Ứng Hòa, Lý Nhân, Thường Tín thuộc trấn Sơn Nam, làm thành tỉnh Hà Nội. Cuối thời Minh Mạng (1820 - 1840), từ năm 1838, nước ta được đổi tên thành Đại Nam và có lãnh thổ rộng nhất.

Ngày 19/8/1945, Cách mạng tháng Tám thành công. Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với thủ đô là Hà Nội.

Suốt ba thập kỷ tiếp theo, tuy đất nước lâm vào cảnh chiến tranh, rồi chia cắt, hai từ “Việt Nam” và “Hà Nội” vẫn được sử dụng phổ biến từ Bắc chí Nam và trở thành thân thiết, thiêng liêng đối với mọi người.

Ngày 30/4/1975, miền Nam được giải phóng, non sông quy về một mối. Ngày 02/7/1976, trong kỳ họp đầu tiên của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất, Quốc hội đã nhất trí lấy tên nước là Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tên thủ đô là Hà Nội. Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1992, Hiến pháp 2013 tiếp tục khẳng định quốc hiệu và tên thủ đô đó, đưa nó trở thành chính thức cả về pháp lý lẫn trên thực tế./.

MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

TS. Nguyễn Thị Thu Hà

Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa

Kế thừa, phát huy truyền thống yêu nước và đoàn kết hàng ngàn năm của dân tộc, ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương đoàn kết mọi lực lượng dân tộc và dân chủ trong Mặt trận Dân tộc Thống nhất để cùng nhau chống kẻ thù chung vì độc lập tự do của Tổ quốc.

Từ đó tới nay, ở mỗi thời kỳ lịch sử, có những hình thức và tên gọi cụ thể khác nhau, phù hợp với nhiệm vụ cách mạng, nhưng Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam luôn đóng vai trò quan trọng, nhằm tập hợp rộng rãi các giai tầng trong xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, vì những mục tiêu cao cả của dân tộc.

Hội phản đế Đồng Minh (18/11/1930)

Ngay trong Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đã vạch ra sự cần thiết phải xây dựng một Mặt trận Dân tộc thống nhất, nhằm đoàn kết các giai tầng trong xã hội, các tổ chức chính trị, các cá nhân phát huy truyền thống yêu nước, sức mạnh mọi nhân tố của dân tộc phấn đấu cho sự nghiệp chung giải phóng dân tộc.

Giữa lúc cao trào cách mạng đầu tiên do Đảng lãnh đạo đang diễn ra sôi nổi và

rầm rộ trong cả nước, ngày 18/11/1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra chỉ thị thành lập Hội phản đế Đồng minh, hình thức đầu tiên của Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thực tiễn phong trào cách mạng phản đế, phản phong sôi nổi mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh trong những năm 1930 - 1931, Hội Phản đế Đồng Minh đã thu hút sự tham gia của nhiều tầng lớp, nhiều dân tộc. Lực lượng cách mạng được hình thành và được rèn luyện trong phong trào cách mạng. Điều đó cũng khẳng định năng lực cách mạng của các giai tầng trong xã hội, khẳng định vị trí đặc biệt và hệ tư tưởng của giai cấp công nhân trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, đồng thời cũng khẳng định khối liên minh công nông là cơ sở của Mặt trận Dân tộc thống nhất do Đảng lãnh đạo. Vì vậy, phong trào cách mạng 1930 - 1931 là cuộc tổng diễn tập đầu tiên, nhất là về xây dựng, tập hợp, đoàn kết lực lượng cách mạng cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945.

Hội Phản đế liên minh (3/1935)

Tháng 3/1935, Đại hội Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ nhất đã thông qua nghị quyết về công tác phản đế liên minh, quyết



Ngày 20/12/1960, các thành viên của Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tuyên thệ trong Lễ thành lập Mặt trận (Ảnh tư liệu).

định thành lập Hội phản đế liên minh và thông qua điều lệ của tổ chức nhằm tập hợp tất cả các lực lượng phản đế toàn Đông dương. Điều lệ của hội Phản đế liên minh rộng và linh hoạt hơn Điều lệ Hội phản đế đồng minh. Bất kỳ người hoặc đoàn thể nào thừa nhận nghị quyết, Điều lệ và thường xuyên nộp hội phí thì được thừa nhận là hội viên.

Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế (10/1936)

Chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế được phổ biến qua tài liệu xung quanh vấn đề chính sách mới ngày 30/10/1936, nhằm khắc phục những sai lầm trong nhận thức và hành động trong quá trình thực hiện liên minh thời kỳ trước. Việc tập hợp lực lượng trong Mặt trận được công khai qua bức thư ngỏ của Đảng Cộng sản Đông Dương gửi cho Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp. Bày tỏ sự đồng minh với nhân dân Pháp, kêu gọi ban hành một số quyền tự do dân chủ cơ bản cho nhân dân Đông Dương và hô hào "tất cả các đảng phái chính trị, tất cả các tầng lớp nhân dân Đông Dương tham gia Mặt trận nhân dân Đông Dương".

Mặt trận Dân chủ Đông Dương (6/1938)

Sau khi Mặt trận nhân dân Pháp lên cầm quyền với bản chương trình hành động, trong đó có nêu việc thành lập một Ủy ban của nghị viện điều tra tình hình chính trị và kinh tế ở các thuộc địa, cùng với nhiều nước thuộc địa khác, các nhà yêu nước Việt Nam kêu gọi "tiến tới một cuộc Đông dương Đại hội" . Sáng kiến đó được Đảng Cộng sản Đông Dương ủng hộ bằng bức thư ngỏ tháng 8/1936, nêu 12 nguyện vọng cụ thể làm cơ sở cho Đông Dương Đại hội, lời kêu gọi đã đẩy lên một phong trào sôi nổi trong nhân dân cả nước.

Tháng 9/1937, một loạt các tổ chức như Thanh niên Dân chủ Đông Dương, Hội Cứu tế bình dân, Công hội, Nông hội ra đời cùng với việc hoạt động công khai và nửa công khai của các tổ chức quần chúng như hội ái hữu, tương tế, các hội hoạt động âm nhạc... từng bước hình thành một Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Tháng 6/1938, Đảng Cộng sản Đông Dương gửi thư công khai cho các đảng phái đề nghị gác các ý kiến bất đồng để

"bước tới thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương". Từ những phong trào Mặt trận, đã dần hình thành Mặt trận với tính chất của một tổ chức.

Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương (11/1939)

Tháng 9/1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, Mặt trận Dân chủ Đông dương bị thực dân Pháp thẳng tay đàn áp. Cùng với sự đầu hàng thoả hiệp của thực dân Pháp với phát xít Nhật, vấn đề sống còn của các dân tộc Đông Dương đã đặt ra. Tháng 11/1939 Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo, chuyển cuộc vận động Mặt trận Dân chủ thành Mặt trận Dân tộc thống nhất chống chiến tranh đế quốc với tên gọi chính thức: Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, nhằm liên hiệp tất cả các dân tộc Đông Dương, các giai tầng, đảng phái, cá nhân có tinh thần phản đế muốn giải phóng dân tộc chống đế quốc, bè lũ tay sai phản bội quyền lợi dân tộc. Các tổ chức phản đế phát triển nhanh chóng dưới hình thức bí mật và công khai.

Việt Nam độc lập đồng minh hội (Việt Minh) (19/5/1941)

Năm 1940, quân Nhật kéo vào Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng và làm tay sai cho phát xít Nhật. Tại Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8, theo đề nghị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Mặt trận dân tộc thống nhất chống phát xít Pháp - Nhật với tên gọi Việt Nam Độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh đã ra đời ngày 19/5/1941, lấy cờ

đỏ sao vàng năm cánh làm cờ của Việt Minh và làm cờ tổ quốc" khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà".

Mặt trận Việt Minh thu hút được mọi giới đồng bào yêu nước, từ công nhân, nông dân, trí thức, tiểu tư sản đến tư sản dân tộc, phú nông và một số địa chủ nhỏ có tinh thần yêu nước, đưa tới cao trào đánh Pháp, đuổi Nhật của toàn dân ta trong những năm 1941 - 1945, Mặt trận Việt Minh là một trong những nhân tố cơ bản bảo đảm cho cách mạng Tháng Tám thành công.

Đại hội Quốc dân do Tổng bộ Việt Minh triệu tập họp ở Tân Trào trong 2 ngày 16-17/8/1945 đã thông qua lệnh tổng khởi nghĩa, quyết định quốc kỳ, quốc ca, cử ra Ủy ban giải phóng dân tộc tức là Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Hội Liên Việt) (29/5/1946)

Năm 1946, giữa lúc nước Việt Nam dân chủ cộng hoà vừa ra đời phải đương đầu với tình thế khó khăn "ngàn cân treo sợi tóc".



Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ II được tổ chức tại Hà Nội từ ngày 12 đến ngày 14/5/1963 (Ảnh tư liệu).

Một Ban vận động thành lập Hội liên hiệp quốc dân Việt nam gồm 27 người với đại biểu Việt Minh là Hồ Chí Minh được thành lập, nhằm mở rộng hơn nữa khối đoàn kết dân tộc.

Việt Minh và Liên Việt đã cùng nhau làm chỗ dựa vững chắc cho chính quyền cách mạng non trẻ đối phó có hiệu lực với thù trong giặc ngoài.

Mặt trận Liên Việt (03/3/1951)

Năm 1951, trong lúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã đi vào giai đoạn quyết liệt, thực hiện khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến", yêu cầu tập hợp các hình thức tổ chức Mặt trận để đoàn kết động viên toàn dân ta tập trung sức người sức của đẩy mạnh kháng chiến trở nên cấp bách. Với các chủ trương đường lối đúng đắn, Đảng Lao động Việt Nam được sự ủng hộ tích cực của các Đảng Xã hội, Đảng Dân chủ, các tổ chức chính trị, các nhân sĩ trí thức trong Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt, hai tổ chức Mặt trận được hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt.

Mặt trận Liên Việt đã góp phần động viên công sức của toàn quân, toàn dân lập nên chiến thắng lịch sử Điện Biên phủ, đưa đến việc ký kết hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 công nhận chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (10/9/1955)

Đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam Việt Nam, hắt cẳng thực dân Pháp và phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ âm mưu chiếm đóng miền Nam chia cắt lâu dài nước ta. Cách mạng Việt Nam lúc này có hai nhiệm vụ chiến lược là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà.

Trong bối cảnh đó, ngày 10/9/1955, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra đời, với mục đích đoàn kết mọi lực lượng dân tộc và dân chủ, đấu tranh đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược và

tay sai, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã phát huy vai trò to lớn của mình trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước cũng như trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã động viên đồng bào và chiến sĩ, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và hết lòng hết sức đáp ứng các yêu cầu của cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tích cực tham gia cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và giúp đỡ các nhà tư sản dân tộc thông suốt chính sách làm cho cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh tiến hành thuận lợi, đạt kết quả. Mặt trận đã tích cực góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân, ra sức động viên nhân dân tham gia bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, xây dựng chính quyền cách mạng, phát triển sản xuất, xây dựng kinh tế, thực hiện nếp sống mới, xây dựng con người mới.

Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20/12/1960)

Trong cao trào đồng khởi của đồng bào miền Nam, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ra đời (20/12/1960) nhằm đoàn kết toàn dân đánh bại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đánh đổ ngụy quyền tay sai của chúng, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc. Với đường lối đúng đắn, Mặt trận Dân tộc Giải phóng đã tập hợp dưới ngọn cờ đại nghĩa của mình các tầng lớp nhân dân, các tổ chức và mọi người Việt nam yêu nước, để cùng nhau chống Mỹ cứu nước.

Mặt trận dân tộc giải phóng không ngừng củng cố và mở rộng khối đoàn kết dân tộc, tổ chức và động viên đồng bào và chiến sĩ miền Nam đẩy mạnh đấu tranh

trên cả ba mặt trận: quân sự, chính trị và ngoại giao. ảnh hưởng của Mặt trận Dân tộc Giải phóng không ngừng được mở rộng trong các tầng lớp nhân dân miền Nam và uy tín của mặt trận đã được nâng cao trên trường quốc tế.

Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam (20/3/1968)

Trong cao trào tiến công và nổi dậy đầu xuân Mậu Thân (1968), Liên minh các lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hoà bình Việt nam ra đời (20/4/1968). Kết tụ từ các phong trào đấu tranh yêu nước của các giới sinh viên, học sinh, trí thức, đồng bào tôn giáo, công, thương gia, nhân sĩ dân chủ tại các thành thị miền Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình Việt Nam đã tăng thêm sức mạnh cho khối đoàn kết toàn dân, chống Mỹ cứu nước.

Phấn đấu cho một mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, bảo vệ và xây dựng miền Bắc, thực hiện thống nhất nước nhà, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam và Liên minh các lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hoà bình Việt Nam đã luôn luôn hợp tác chặt chẽ, hỗ trợ nhau tạo nên một sức mạnh không gì lay chuyển nổi của khối đại đoàn kết dân tộc, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của toàn dân đến thắng lợi hoàn toàn, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất nước nhà.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (04/02/1977)

Sau khi cả nước đã được độc lập, thống nhất và toàn vẹn của một quốc gia, đòi hỏi phải hợp nhất 3 tổ chức mặt trận, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất họp từ 31/01 đến 04/02/1977 tại thành phố Hồ Chí Minh đã thống nhất ba tổ chức Mặt trận ở hai miền Nam, Bắc nước ta thành một tổ chức Mặt trận Dân tộc thống nhất duy nhất lấy tên là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, là sự thống nhất ý chí của tất cả các tổ chức, các giai tầng trong xã hội, các cá nhân tiêu biểu của các dân tộc, tôn giáo, tầng lớp..., tiêu biểu cho ý chí đoàn kết của dân tộc, luôn phấn đấu xây dựng khối Đại đoàn kết dân tộc vững mạnh, thực hiện lời dạy của Hồ Chí Minh: "Mục đích phấn đấu của Mặt trận Dân tộc thống nhất là xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh".

Như vậy, trải qua 95 năm ra đời và phát triển, với 12 lần thay đổi hình thức, tên gọi khác nhau, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Bác Hồ sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện, đã phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết quý báu hàng ngàn năm của dân tộc, đoàn kết, tập hợp các tầng lớp Nhân dân thành một lực lượng hùng mạnh để đánh đuổi thực dân, đế quốc, giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, khi đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động; tăng cường củng cố liên minh chính trị, xây dựng và phát triển vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; thực hiện dân chủ, giám sát và phản biện xã hội, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; tăng cường đồng thuận xã hội, thúc đẩy tinh thần thi đua sáng tạo, phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, giữ vững hòa bình, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”./.

Tinh thần quật cường của phụ nữ Việt Nam

Nguyễn Văn Toàn

Tinh thần quật cường của người phụ nữ Việt Nam thể hiện ở bản lĩnh cứng cỏi, khí chất dũng cảm, không chịu khuất phục trước khó khăn, gian khổ và sự áp bức, bất công. Câu tục ngữ “Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh” cho thấy rõ thêm tinh thần quật cường của người phụ nữ Việt Nam.

Mẹ Âu Cơ góp công to lớn trong việc lập nên Nhà nước đầu tiên của dân tộc ta

Người mẹ đầu tiên của người Việt là Âu Cơ. Mẹ Âu Cơ đã đẻ trăm trứng nở trăm con. Trong truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ, Lạc Long Quân đã nói với Âu Cơ rằng: “Ta là loài rồng, nàng là giống tiên, khó ở với nhau lâu dài. Nay ta đem năm mươi con về miền biển, còn nàng đem năm mươi con về miền núi, chia nhau trị vì các nơi, kẻ lên núi, người xuống biển, nếu gặp sự nguy hiểm thì báo cho nhau biết, cứu giúp lẫn nhau, đừng có quên”.



Tiểu đội “11 cô gái sông Hương” trong Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 (Ảnh tư liệu).

Năm mươi người con theo Mẹ Âu Cơ lên vùng rừng núi Phong Châu (Phú Thọ) đã lập nên Nhà nước Văn Lang - Nhà nước đầu tiên của dân tộc ta.

Mẹ Âu Cơ đã dạy dân xây nhà cửa, lập làng, xây thành lũy, cấy lúa, trồng cây, nuôi tằm dệt vải... và nhờ đó cuộc sống của người dân dần dần sung túc:

“Mẹ đem lên ở Tản Viên/Sửa sang giếng mối, giữ gìn quy mô/Bao nhiêu đồi núi đóng gò/Lũy thành bày đặt, côi bờ chia phối”(Thiên Nam ngữ lục).

Hai Bà Trưng giành lại nền độc lập cho dân tộc

Năm Canh Tý 40, vào mùa xuân, hai chị em Trưng Trắc - Trưng Nhị (con gái Lạc tướng Mê Linh) hội quân ở cửa sông Hát, lập đàn thề, phát cờ khởi nghĩa chống lại nhà Hán. Thiên Nam ngữ lục ghi lời thề của Trưng Trắc như sau: *“Một xin rửa sạch nước thù/Hai xin dựng lại nghiệp xưa họ Hùng/Ba kêu oan ức lòng chồng/Bốn xin vẹn vẹn sở công lênh này”*.

Chỉ trong thời gian ngắn, Hai Bà Trưng đã dẹp yên và làm chủ được 65 thành ở đất Lĩnh Nam. Sau khi đánh đổ chính quyền đô hộ nhà Hán, Trưng Trắc được suy tôn làm vua, tức là Trưng Vương, đóng đô ở Mê Linh (thuộc địa phận Thủ đô Hà Nội ngày nay). Trưng Vương ngay lập tức xây dựng chính quyền tự chủ và trong ba năm sau đó đã chuẩn bị kháng chiến chống lại cuộc xâm lược của nhà Hán.

Noi gương Hai Bà Trưng, vào thế kỷ thứ III, Bà Triệu cũng đã từng khẳng định: “Tôi chỉ muốn cưới con gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở Biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang san, cởi ách nô lệ, chứ tôi không chịu khom lưng làm tì thiếp người ta”. Nghĩa quân của bà đánh thắng giặc Ngô nhiều trận, giết chết viên thứ sử Châu Giao của nhà Ngô.

Tinh thần yêu nước, chí khí quật cường của Hai Bà Trưng và Bà Triệu là nguồn cổ vũ lớn lao đối với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập tự chủ của dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử. Noi gương Hai Bà Trưng, Bà Triệu, những thế hệ phụ nữ Việt Nam nối tiếp đã góp phần hun đúc chí khí quật cường của dân tộc, đóng góp to lớn trong việc xây dựng, bảo vệ đất nước, chống giặc ngoại xâm. Tiêu biểu là đô đốc Bùi Thị Xuân (1771-1802) - vị nữ tướng góp công lớn trong công cuộc quét sạch các thế lực cản trở sự thống nhất đất nước

và trong công cuộc chống ngoại xâm của nhà Tây Sơn.

Điều này được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định trong sách “Lịch sử nước ta” được Việt Minh tuyên truyền Bộ xuất bản tháng 2/1942 rằng: “Phụ nữ ta chẳng tầm thường. Đánh Đông, dẹp Bắc làm gương để đời”.

Tinh thần quật cường của phụ nữ Việt Nam phát huy cao độ dưới sự lãnh đạo của Đảng

Đầu năm 1937, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai được Trung ương Đảng phân công đến làm việc tại cơ quan Xứ ủy Nam Kỳ. Sau đó, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai được Xứ ủy Nam Kỳ chỉ định làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Ngày 30/7/1940, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai bị sa vào tay giặc Pháp và bị chúng giam tại bót Catinat. Sau đó, chúng giam đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai ở Khám Lớn Sài Gòn. Ngày 28/8/1941, biết kẻ thù sẽ đem mình và một số đồng chí đi xử bắn, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã tố cáo tội ác của kẻ thù và kêu gọi bạn tù nổi dậy đấu tranh. Bọn thực dân Pháp khiếp hải trước người cộng sản một lòng trung thành với Đảng và có niềm tin mãnh liệt về thắng lợi của cách mạng Việt Nam nên đã vội vàng đưa đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai ra trường bắn.

Chị Võ Thị Sáu sinh năm 1933 trong một gia đình nghèo ở xã Phước Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa nay thuộc xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Năm 1947, chị Võ Thị Sáu được kết nạp vào Đội Công an xung phong huyện Đất Đỏ lúc 14 tuổi. Với trí thông minh, nhanh nhẹn, chị Võ Thị Sáu đã lập được nhiều chiến công. Vào tháng 2/1950, khi chị Võ Thị Sáu dùng lựu đạn tiêu diệt 2 tên ác ôn có nhiều nợ máu là Cả Đay và Cả Suốt thì chị bị giặc Pháp bắt. Kẻ địch dùng mọi cực hình tra tấn chị Võ Thị Sáu nhưng địch không khai



*Bà Nguyễn Thị Định (sinh năm 1920)
là Phó tư lệnh Quân giải phóng miền Nam Việt Nam
(Ảnh tư liệu).*

thác được gì nên đây chị ra Côn Đảo. Sáng 23/1/1952, giặc Pháp đưa chị Võ Thị Sáu ra pháp trường xử bắn. Khi được hỏi có ân hận điều gì trước khi chết không, chị Võ Thị Sáu đã trả lời: “Tôi chỉ ân hận chưa tiêu diệt hết bọn thực dân cướp nước và lũ tay sai bán nước”. Không cần bịt mắt, chị Võ Thị Sáu hiên ngang nhìn thẳng vào họng súng kẻ thù hô to: “Đả đảo thực dân Pháp, Việt Nam muôn năm, Hồ Chí Minh muôn năm”.

Bà Nguyễn Thị Định là Phó tư lệnh Quân giải phóng miền Nam Việt Nam từ năm 1965. Tại lễ mít tinh kỷ niệm 20 năm Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam vào tháng 10/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: “Phó tổng tư lệnh quân Giải phóng miền Nam là cô Nguyễn Thị Định, cả thế giới chỉ có vị tướng quân gái như vậy. Thật vẻ vang cho cả miền Nam, cho cả dân tộc ta”.

Trong Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 ở Huế, tiểu đội “11 cô gái sông Hương” đã tiêu diệt nhiều tên địch, đã góp phần cùng quân và dân ta làm chủ thành phố Huế trong 26 ngày đêm. Do đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng tiểu đội “11 cô gái sông Hương” bài thơ khen ngợi: *“Đồng dục trong tay khẩu súng trường/
Khôn ngoan dàn trận khắp trong phường/
Bác khen các cháu dân quân gái/Đánh giặc
Hoa Kỳ phải nát xương...”*.

Việt Nam hiện có gần 140 nghìn Bà mẹ Việt Nam Anh hùng trên cả nước. Trong đó, có 10 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng đồng thời là Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân. Đó là: Mẹ Văn Thị Thừa (sinh năm 1915, quê ở Quảng Nam), Mẹ Nguyễn Thị Rành (sinh năm 1900, quê ở TP. Hồ Chí Minh), Mẹ Phạm Thị Ngu (sinh năm 1912, quê ở Bình Thuận), Mẹ Võ Thị Nhã (sinh năm 1921, quê ở Quảng Ngãi), Mẹ Đỗ Thị Phúc (sinh năm 1906, quê ở Nam Định), Mẹ Bùi Thị Thêm (sinh năm 1924, quê ở Kiên Giang), Mẹ Huỳnh Thị Tân (sinh năm 1906, quê ở Sóc Trăng), Mẹ Đoàn Thị Nghiệp (sinh năm 1925, quê ở Tiền Giang), Mẹ Mai Thị Út (sinh năm 1913, quê ở Tiền Giang) và Mẹ Nguyễn Thị Diễm (sinh năm 1941, quê ở TP. Hồ Chí Minh).

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Trong hàng ngũ vẻ vang những anh hùng quân đội, anh hùng lao động, chiến sĩ thi đua và lao động tiên tiến đều có phụ nữ”. Người đã khen tặng: “Phụ nữ Việt Nam dũng cảm, đảm đang, chống Mỹ cứu nước”. Người cũng khen tặng phụ nữ miền Nam tám chữ vàng: “Anh hùng - Bất khuất - Trung hậu - Đảm đang”.

Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng ta (2021) cũng đã nêu rõ: “Phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ”.

Di sản Phật giáo ở Thanh Hóa nhìn từ lễ hội

ThS. Nguyễn Thị Quế

Trung tâm Nghiên cứu Phát triển vùng*

Lễ hội Phật giáo (hội chùa) là một thành tố văn hóa mang giá trị di sản văn hóa phi vật thể, tiêu biểu nhất là lễ Thượng nguyên (cúng rằm tháng Giêng), lễ Phật đản, lễ Vu Lan và hội xuân tổ chức tại các ngôi chùa thờ Phật. Lễ cúng rằm tháng Giêng xuất phát từ cuộc sống của cư dân nông nghiệp, mùa xuân là thời gian nông nhàn, người dân tiến hành lễ cúng rằm tháng Giêng nhằm tạ ơn trời đất, cầu mong cho “phong đăng hòa cốc”, dân làng được sống yên ổn, nhà nhà đều gặp điềm lành. Lễ Phật đản được tổ chức hàng năm vào ngày rằm tháng Tư, để kỷ niệm ngày Đức Phật ra đời, mang ánh sáng chân lý soi rọi vào cuộc sống, xóa tan những nỗi khổ niềm đau; lễ Vu Lan bắt nguồn từ tích Đại đức Mục Kiền Liên cứu mẹ với ý nghĩa báo ân và bày tỏ lòng biết ơn đối với cha mẹ, tổ tiên. Đây là các dịp lễ trọng, là linh hồn của Phật giáo, được tổ chức ở tất cả các chùa trong cả nước. Vì vậy, tại các ngôi chùa ở Thanh Hóa, hàng năm đều tổ chức các nghi lễ như lễ cúng rằm tháng Giêng, lễ Phật đản, lễ Vu Lan theo nghi lễ văn hóa Phật giáo.



Đại lễ Phật đản tổ chức tại chùa Đại Bi, tỉnh Thanh Hóa
(Ảnh sưu tầm).

Cũng như các lễ hội truyền thống khác, lễ hội Phật giáo diễn ra tại không gian thiêng mang màu sắc tôn giáo. Không gian lễ hội Phật giáo là chùa chiền - nơi phụng thờ Phật tổ, các vị bồ tát, các danh tăng, đồng thời cũng là không gian sinh hoạt tôn giáo của chư tăng ni, Phật tử. Vì vậy, chùa thờ Phật trở thành không gian văn hóa tâm linh có ý nghĩa lớn trong đời sống của Phật tử và cả những người kính Phật. Các nghi thức, nghi lễ, lễ hội được tổ chức nhằm tôn vinh và củng cố niềm tin thành kính vào Đức Phật; đồng thời, thu hút, có kết cộng đồng đến với chùa thờ Phật để tham gia các nghi lễ Phật giáo, tu tập, học hỏi giáo lý, thực hành Phật sự, phát triển đời sống tâm linh.

* Trung tâm trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

Lễ hội chùa ở Thanh Hóa vận động trong quỹ đạo chung của lễ hội Phật giáo, bên cạnh đó, mỗi ngôi chùa lại có thời điểm tổ chức lễ hội riêng, gắn liền với giá trị văn hóa truyền thống địa phương. Lễ hội tại các chùa không thuần túy màu sắc Phật giáo mà có sự giao thoa, thâm nhập các tôn giáo, tín ngưỡng bản địa khác tạo nên màu sắc Phật giáo dân gian gần gũi và phổ biến ở Thanh Hóa. Từ góc tiếp cận Folklore, lễ hội tại các chùa ở Thanh Hóa được tổ chức theo nghi thức, diễn trình của lễ hội truyền thống với một số bước cơ bản như mộc dục, rước kiệu, tế nữ quan, trò diễn, trò chơi dân gian... Lễ hội chùa thu hút sự tham gia của cả nhà chùa và nhân dân, phản ánh dấu ấn của cư dân văn hóa nông nghiệp lúa nước, tiêu biểu là lễ rước nước, lễ hội gắn với sinh hoạt văn hóa chợ, lễ hội chùa gắn với hội làng... Trong lễ hội, sự dung hợp, hòa đồng giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian để cộng sinh cùng phát triển đã tạo nên sự độc đáo của di sản Phật giáo ở Thanh Hóa.

Lễ hội chùa ở Thanh Hóa tái hiện những sinh hoạt mang đậm dấu ấn văn hóa nông nghiệp qua lễ rước nước. Không phải tất các chùa đều thực hiện nghi lễ này, song sự tồn tại của nghi lễ này hàng trăm năm qua trong lễ hội ở chùa Báo Ân, diễn ra vào các ngày 27, 28, 29 tháng Hai âm lịch hằng năm (ngày 28 là chính lễ), trên quê hương Bồng Báo (huyện Vĩnh Lộc cũ) là minh chứng.

Lễ rước nước ở chùa Báo Ân không đơn giản chỉ là đám rước thông thường, vì trước ngày diễn ra lễ rước nước, đã có nghi lễ thả hoa đăng; ngày hôm sau lại có múa sênh tiền tưởng nhớ Mẫu. Ngày rước nước, có năm chiếc thuyền được chèo ra sông, cắm cây nêu, lấy nước, rước nước kết hợp diễn xướng các bài hát, điệu hò ở Thanh Hóa thu hút nhân dân trong vùng tham dự:

“Hò khoan - khoan khoan - hò khoan!

Dâng lên Phật, Mẫu

Thấm nhuận quần sinh, thấm nhuận quần sinh

Ơi khoan, hò khoan - khoan hò - hò khoan!

Xuôi dòng bến nước

Vào vụng Quần Tiên

Hò khoan - hò khoan

Cặp bến Báo Ân, cặp bến Báo Ân

Ơi hò... hò... ơ... ơ... khoan... ”.

(Tư liệu điền dã)

Lời ca trong nghi lễ lấy nước có lẽ còn chứa đựng nhiều mã văn hóa khác. Ở đây, chúng tôi hiểu với nghĩa rước nước tưới tắm Phật, Mẫu và các bậc thánh thần mát lành và cầu cho mưa gió thuận hòa, mùa màng bội thu, phù hợp với ước nguyện của cư dân nông nghiệp: “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”; “Trông trời, trông đất, trông mây, trông mưa, trông nắng”... Có thể nói, trong lễ hội rước nước, Phật giáo hòa quyện với tín ngưỡng bản địa, có khi lùi lại nhường chỗ cho tín ngưỡng tái hiện các nghi lễ một cách sinh động.

Một khía cạnh khác, lễ hội Phật giáo tại các chùa ở Thanh Hóa còn góp phần tái hiện sự kiện lịch sử thông qua các hội làng. Trong vùng/làng nào đó có chùa tọa lạc thường kết hợp lễ hội chùa gắn với hội làng (thường là những làng có truyền thống văn hóa lâu đời). Tiêu biểu cho nội dung phản ánh này là lễ hội truyền thống làng Duy Tinh - chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh (xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc cũ), lễ hội kỷ phúc làng Vĩnh Gia - chùa Gia (xã Hoằng Phượng, huyện Hoằng Hóa cũ).

Lễ hội làng Duy Tinh - chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh được tổ chức trong 2 ngày 8 - 9 tháng Hai Âm lịch hằng năm. Để phục vụ lễ hội, nhân dân và nhà chùa đều nỗ lực chuẩn bị đúc oản, đồ lễ, bánh trái, kiệu, cờ, lọng, trang phục... Rước kiệu được coi là phần quan trọng của phần lễ: Đi trước kiệu là người cầm bảng có chữ “Thượng đẳng tối linh thần”, tiếp đó là đoàn người cầm gươm, giáo, cờ... Đi sau kiệu song loan là đoàn tế của các cụ trong làng, tiếp đến là đội bát âm cử nhạc lưu thủy, kiệu bát cống, rước Đức Thánh Bà Hoàng Cầm Linh Nhâm. Kiệu được rước bắt đầu từ chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh, đi vòng quanh làng, rồi lại trở về chùa tổ chức đại tế.

Lễ hội kỳ phúc ở làng Vĩnh Gia - chùa Gia thường tổ chức vào ngày 8 - 9 tháng Hai nhằm tưởng nhớ công đức của các vị anh hùng dân tộc. Lễ hội bắt đầu tại đền Tô Hiến Thành - Trần Khát Chân với các khóa lễ kính yết các vị tôn thần, nhân thần. Đám rước kiệu long đình, bát cống, võng lọng, mâm cỗ... được nhân dân trang hoàng tôn kính, xuất phát từ đền men theo triền đê bờ bắc sông Mã xuống chùa Gia chiêm bái, thắp hương lễ Phật cầu bình an, may mắn... Sau đó, đám rước tiếp tục hành trình đi xung quanh làng Vĩnh Gia nhằm cầu phúc cho toàn thể nhân dân trong vùng và thập phương được ấm no, yên vui, hạnh phúc nhân dịp đầu xuân năm mới.

Sau phần lễ, phần hội tổ chức các trò chơi dân gian như kéo co, chơi đu, đánh cờ người, trò diễn và các hoạt động văn hóa, văn nghệ khác... mang đậm nét truyền thống của làng quê Việt Nam. Điều này cho thấy Phật giáo ở Thanh Hóa bắt rễ vào làng - tư tưởng người làng, lệ làng để tồn tại và phát triển. Chính sự hòa nhập vào văn hóa làng đã tạo điều kiện cho Phật giáo càng ngày càng ăn sâu, bén rễ vào cơ tầng văn hóa người Việt. Xét về mặt chức năng, lễ hội chùa Phật ở Thanh Hóa mang ý nghĩa tôn giáo, tín ngưỡng (tính thiêng, văn hóa tâm linh); là sự hỗn dung văn hóa mà Đạo Phật đã dung hợp với văn hóa tín ngưỡng bản địa, tạo ra sức sống mới gần gũi với đời sống nhân dân.

Không chỉ vậy, lễ hội chùa ở Thanh Hóa còn mang chức năng giải trí có tính đời thường, người dân có thể thấy rất rõ điều này vì trong các lễ hội bao giờ cũng có phần hội là những trò chơi, người tham dự trút bỏ hết những lo lắng, muộn phiền của cuộc sống để hòa mình vào sự khỏe khoắn, đoàn kết, vui vẻ trong thanh âm rộn ràng của lễ hội. Ngoài các lễ hội trên, tại các chùa: Chùa Hương Nghiêm (ngày 10 và 11 tháng Hai), chùa Vòm Chùa (ngày 12 tháng Hai), chùa Hàn Sơn cửa Thần Phù (10 tháng Ba)... diễn ra nhiều lễ hội Phật giáo truyền thống, thu hút đông đảo Phật tử và du khách tham dự với các nghi lễ trang

ng nghiêm như rước kiệu, tụng kinh, cầu an, và nhiều hoạt động vui chơi, văn hóa, thể thao, văn nghệ phong phú,... góp phần thắt chặt tinh thần đoàn kết, cộng cảm trong cộng đồng và hướng tới thế giới đại đồng.

Một trong những lễ hội chùa mang bản sắc đặc biệt tại Thanh Hóa là lễ hội chùa Tậu (còn có tên Hôi Long tự, chùa Xuân Phả) ở làng Xuân Phả (xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân cũ) diễn ra vào ngày mùng 5 tết Nguyên đán. Vùng đất là quê hương của trò Xuân Phả - di sản văn hóa phi vật thể, có ý nghĩa đặc biệt, phản ánh nhiều vấn đề lịch sử, sản xuất, chiến đấu và cả quan hệ bang giao với nước láng giềng. Những trò diễn trong lễ hội như: Trò Chiêm Thành, trò Hoa Lãng, múa Ai Lao, trò Ngô Quố, trò Lục Hồn Nhung (trò Tú Huân). Dư âm lễ hội chùa Tậu còn tiếp nối với phiên chợ đầu tiên trong năm với hy vọng năm mới phát tài, phồn thịnh. Vì vậy, trong vùng lưu truyền câu nói: "*Mùng 5 chùa Tậu/Mùng 6 chợ Neo*". Xét về góc độ văn hóa, ngoài chức năng tôn giáo, tín ngưỡng và giải trí, lễ hội chùa Tậu còn gắn kết hình thái sinh hoạt chợ phần nào phản ánh chức năng kinh tế (buôn bán phục vụ cho người tham gia lễ hội và người dân trong vùng), tuy chưa rõ nét như một số lễ hội tôn giáo khác (ví dụ: Lễ hội Phủ Dày - chợ Viềng ở Nam Định cũ).

Lễ hội các chùa ở Thanh Hóa thường diễn ra vào dịp đầu xuân, năm mới phù hợp với hoạt động du xuân, trẩy hội của người dân. Phần lớn các lễ hội phản ánh những biểu hiện, đặc trưng của lễ hội tôn giáo (Phật giáo) nhưng có sự cộng sinh, giao thoa, hỗn dung với các tôn giáo, tín ngưỡng, hội làng, vui chợ... tạo nên một không khí vừa rất trang nghiêm, linh thiêng lại vừa gần gũi đời thường ngay chốn thiền môn. Lễ hội chùa ở Thanh Hóa cũng chuyên chở chức năng văn hóa: tôn giáo, tín ngưỡng, chức năng giải trí, chức năng kinh tế... tạo nên một sức sống bền bỉ mang tính chu kỳ. Nó đã góp phần làm nổi bật di sản lễ hội Phật giáo ở Thanh Hóa trong di sản của lễ hội truyền thống Việt Nam.

Từ sinh hoạt đến di sản, Phật giáo ở Thanh Hóa “không thua kém các Kinh lộ và có vẻ như đa dạng hơn bởi sự gắn bó với tín ngưỡng thần tiên dân gian, với những truyền thuyết, lễ hội” (theo Lịch sử Phật giáo Thanh Hóa). Hệ thống chùa xứ Thanh không chỉ xuất hiện bởi điều kiện thực tế mà còn từ tâm linh, niềm tin vào Phật giáo đã ngầm linh ứng để khai sinh các ngôi chùa. Từ đây, chùa trở thành “bảo tàng chứa đựng tất cả kinh sách, pháp khí, dụng cụ phục vụ cho việc sinh hoạt, tu tập không chỉ dành cho chư Tăng Ni mà còn là nơi lui tới của hàng trăm cư sĩ cũng như những người muốn tìm hiểu đạo Phật”.

Chùa xứ Thanh với quy mô đa dạng, tuy nhiên, không phải tất cả còn duy trì được lễ hội truyền thống bởi nhiều nguyên nhân khách quan. Tuy vậy, di sản lễ hội diễn ra tại các ngôi chùa xứ Thanh vẫn phản ánh giá trị văn hóa truyền thống, thể hiện được nét riêng độc đáo mang sắc thái địa phương với những biểu hiện và chức năng văn hóa khác nhau. Từ góc nhìn Folklore học, di sản Phật giáo xứ Thanh cũng được tiết lộ và lý giải về nguyên nhân, bản chất của sự dung hợp tôn giáo. Bên cạnh đó, nó góp phần khẳng định tầm ảnh hưởng, những giá trị của di sản Phật giáo xứ Thanh không chỉ trong đời sống của người Thanh Hóa, sự phát triển của Phật giáo Thanh Hóa mà còn trong phạm vi quốc gia./.

Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Văn Bài (2008), “Nhận diện để phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam”, Tạp chí Di sản, số 2 (23); tr 7-12.
2. Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thanh Hóa (2022), Lịch sử Phật giáo Thanh Hóa, Nxb Thanh Hóa.
3. Kiều Thu Hoạch (2008), “Lễ hội nhìn từ luận thuyết của giới Folklore Đông Á và châu Âu”, Tạp chí Di sản, số 4 (25); tr 28-34.
4. Nhiều tác giả (2010), Chùa ở Thanh Hóa, tập II, NXB Thanh Hóa
5. Lê Trung Vũ, Lê Hồng Lý, Nguyễn Thị Phương Châm (2014), Lễ hội dân gian, Nxb Khoa học Xã hội.

Ngày xưa, Hải Thượng Lãn Ông, thầy thuốc Đông y danh tiếng của Việt Nam, đã từng khuyên rằng: “Bình minh nhất trắng trà... lương y bất đáo gia” (nghĩa là sáng sớm thường thức một ấm trà... thì thầy thuốc không bao giờ phải đến nhà thăm bệnh). Câu nói ấy cho thấy rằng trà không chỉ là một nét văn hóa, mà còn là thức uống rất có lợi cho sức khỏe.

Lễ hội trà

Nhiều năm nay, tại thị xã Bảo Lộc của huyện Bảo Lâm và thành phố Đà Lạt (tỉnh Lâm Đồng cũ) - quê hương của loại trà ngon nổi tiếng B'Lao, đã diễn lễ hội đặc biệt về trà. Lễ hội trà tại tỉnh Lâm Đồng luôn thu hút sự tham gia của nhiều thương hiệu trà danh tiếng trên toàn quốc. Lễ hội văn hóa trà hằng năm ở đây mang ý nghĩa tôn vinh nghề trồng và chế biến trà của Việt Nam. Tại đây, nhiều chương trình được tổ chức nhằm giới thiệu giá trị của văn hóa ẩm thực trà, cũng như tiềm năng của nghề trồng và chế biến trà từ thô sơ đến hiện đại ở Việt Nam nói chung và tỉnh Lâm Đồng (cũ) nói riêng.

Trà là vị thuốc phòng bệnh

Về khoa học, trà có nhiều chất Théine, Tanin và Fluor, ngày nay tác dụng của nó đối với cơ thể con người đã được xác nhận. Nó có tính kích thích nhẹ, không mạnh như cà phê, vì chất Théine trong trà có tỷ lệ ít hơn trong cà phê và được điều hòa bằng chất Tanin. Ngoài ra trà còn có tác dụng tốt đối với tim, làm tăng lưu lượng của động mạch vành và thận. Trên thực tế, trà là loại nước uống rất cần thiết cho những người mắc bệnh tim và các vận động viên thể dục, thể thao. Nó giúp cơ thể đẩy mạnh sự tuần hoàn, tăng năng lực cơ bắp và tốc độ phản ứng. Chất Tanin tạo cho cơ thể tiêu hóa thức ăn dễ dàng, tăng cường các mạch máu và tiết kiệm sinh tố C của cơ thể. Chất Fluor bảo vệ men răng, chống sâu răng và sự lão hóa của xương. Trà còn là loại nước giải khát bổ ích duy nhất không có đường.

Văn hóa ẩm thực trà Việt

Nguyễn Tấn Tuấn

Uống trà có nhiều tác dụng cho cơ thể con người, làm cho đầu óc thêm sáng suốt, minh mẫn, tăng độ nhạy cảm của các giác quan; tác dụng giải nhiệt, kích thích tiêu hóa, giảm lượng mỡ thừa, loại trừ độc tố, giải cơn say rượu, tăng cường thị lực... Trà là một trong những thức uống phổ biến trên thế giới. Người châu Âu thích dùng trà đen uống với đường, còn người châu Á lại thích dùng trà xanh.

Nghệ thuật uống trà

Về văn hóa trà, cách thưởng thức trà của người châu Á cũng có nhiều phong cách, “trường phái” khác nhau. Người Trung Hoa có “Trà Kinh”, người Nhật có “Trà Đạo”, còn người Việt Nam cũng có cách thưởng thức riêng, có lẽ là tổng hòa của cả hai phong cách trên. Nghĩa là vừa “Kinh” mà vừa “Đạo”. Nói đến phong cách uống trà truyền thống Việt Nam, phải kể đến cách uống trà rất cầu kỳ của các vua chúa thời xa xưa, nhưng vẫn còn lưu truyền đến ngày nay. Nó vừa sang trọng mà vừa tao nhã. Uống trà với ai, mấy người là vừa, uống vào giờ nào, dùng nước nào để pha trà, dùng than, củi nào để nấu nước, pha trà bằng loại ấm gì, uống trà bằng loại chén nào...

Uống trà là để thưởng thức, để cảm nhận hương vị tinh túy của trà. Uống trà cho tâm tư tĩnh lặng, thanh tao, giải bớt ưu phiền. Uống trà để tăng niềm hứng khởi khi đàm

đạo với bạn bè, với tao nhân mặc khách. Điều ấy có nghĩa, uống trà không chỉ để thưởng thức trà, không chỉ để tìm cảm giác thanh thần, mà trà còn có giá trị giao tiếp, nó là “cầu nối” cho nhiều mối quan hệ trong cuộc sống đời thường.

Trà cung đình

Phong cách uống trà của vua Tự Đức rất cầu kỳ. Thường vào sáng sớm tinh mơ, nhà vua sai người chèo chiếc thuyền con bơi quanh hồ sen rồi dốc từng hạt sương còn đọng trên lá sen, những hạt sương ấy được xem là tinh túy của đất trời, sinh ra trong thời gian giao hòa giữa ngày và đêm. Mỗi lá sen trong hồ chỉ đọng lại dăm ba hạt sương đêm và phải hàng trăm lá sen như thế cộng lại mới đủ nấu nước pha trà cho vua sử dụng. Nhà vua chỉ dùng loại trà này với đường phèn chung cách thủy đang bốc khói mới cảm thấy sáng khoái để lâm triều bàn việc chính sự...



Cách uống trà

Với người Việt Nam hiện nay, việc thưởng thức trà cũng khác nhau theo vùng miền. Ở miền Bắc, đa số thích uống trà nguyên chất, có vị đắng, chát gọi chung là “trà Bắc”. Ngược lại, người miền Nam lại thích uống trà có ướp hương hoa nhài, hoa sen để tăng thêm hương vị. Người miền Bắc thích uống trà nóng, còn người miền Nam lại thích uống trà đá cho mát mẻ. Cách uống trà của người miền Trung lại thể hiện sự giao hòa của cả hai miền Nam - Bắc. Người Trung vừa thích uống trà nóng, vừa thường xuyên uống trà đá vào mùa hè nắng nóng. Trà ướp hoa nhài, trà nguyên chất đều được ưa chuộng như nhau.

Quê hương trà Việt

Trà ngon phụ thuộc vào cách sao tẩm, song chủ yếu vẫn là nguyên liệu cây chè. Búp chè lại phụ thuộc vùng đất trồng chè. Từ lâu, ở cả ba miền của đất nước đều đã hình thành các vùng đất trồng chè. Miền Bắc, chè được trồng nhiều ở các tỉnh Thái Nguyên, Phú Thọ, Hà Giang, Nghia Lộ, Tuyên Quang, Hòa Bình (cũ)... Miền Trung, chè được trồng chủ yếu ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế (cũ). Nơi cung cấp chè nhiều cho miền Nam là các tỉnh Tây Nguyên, trong đó trà Lâm Đồng (cũ) được coi là có chất lượng trội hơn cả. Theo dân thưởng thức trà sành điệu, thì trà Thái Nguyên được đánh giá là ngon nhất Việt Nam. Ở Thái Nguyên (cũ), có địa danh Tân Cương được xem là nơi sản xuất trà đặc biệt không đâu bằng. Trà ở đây vừa đượm nước, có màu vàng sáng ngả sang xanh, nhiều hương thơm, uống vào hồi lâu thấy ngọt trong cổ.

Nước uống “Thánh nhân”

Người xưa cho rằng trà là “thứ nước uống của thánh nhân” và các nhà hiền triết gọi trà là bạn hiền của kẻ cô đơn, là loại keo gắn tình bằng hữu, là vị thuốc dưỡng lão của người già, là chất có khả năng làm cho thời gian ngắn lại... Người xưa kể rằng, có một hoàng tử Ấn Độ tên là Dharma khi

vừa sinh ra đã được các vị thần ban phép lành. Vị hoàng tử có một trí thông minh và sự uyên bác đã làm cho các nhà tu hành cao niên kính nể. Sau này, vị hoàng tử đi truyền đạo Phật và lên đường sang Trung Hoa. Một hôm, do thức quá lâu, hoàng tử bị giấc ngủ ập tới làm cho ông thiếp đi bên lề đường. Lúc tỉnh giấc, hổ thẹn vì sự yếu đuối của mình, ông giựt đôi mi mắt và ném xuống đất. Sau một thời gian hoàn thành công việc, trên đường trở về, ông thấy ở đó mọc lên một cây cành lá xanh. khi nhai lá có mùi vị hấp dẫn và làm cho tâm hồn tỉnh táo, đó chính là cây trà. Từ đó đến sau này ở các chùa chiền, các nhà sư đều trồng cây trà và uống trà thường nhật...

Nhiều công trình khoa học đã khẳng định, người dùng trà thường xuyên sẽ có khả năng hạn chế được sự nhiễm xạ vào cơ thể. Do uống trà hoặc nước chè tươi từ khi còn trẻ, nên người dân ở vùng đất trồng chè rất ít bị nhiễm ung thư. Trong trà có nhiều chất bổ, nhất là Vitamin C có nhiều gấp 3- 4 lần trong cam, chanh. Vitamin C trong trà làm tăng sức đề kháng, khả năng tích lũy và đồng hóa Vitamin cho cơ thể. Chất Cafein trong trà kích thích sự hoạt động của thần kinh trung ương, làm cho đầu óc tỉnh táo; nó còn có khả năng giải độc, kích thích hoạt động của tim, thận. Trà nhiều ích lợi như thế, song người thích uống trà chỉ chú ý đến chất lượng của trà có ngon hay không mà thôi.

Ngày nay, trên thị trường có quá nhiều loại nước giải khát, thức uống công nghiệp, cho nên trà đã và đang bị mất đi một phần nhu cầu đối với cuộc sống. Đã có nhiều người cho rằng, đây là thời kỳ của “văn hóa cocacola”. Trà đang bị lấn lướt bởi thức uống công nghiệp thời hiện đại. Nhưng dù sao đi nữa, thì người thích uống trà vẫn còn khá nhiều. “Văn hóa trà” chắc chắn sẽ mãi tồn tại trong văn hóa ẩm thực Việt Nam./.

PHÒNG THỜ TRONG GIA ĐÌNH VIỆT

ThS.KS. Lê Huy Việt

Hội Quy hoạch phát triển đô thị Thanh Hóa

Phòng thờ là một không gian linh thiêng và đặc biệt trong mỗi gia đình Việt Nam, nó thể hiện lòng thành kính, biết ơn đối với tổ tiên, ông bà, và các vị thần linh. Đây không chỉ là nơi thực hiện các nghi lễ tâm linh mà còn là nơi gắn kết các thế hệ của một gia đình, dòng tộc và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp cho các thế hệ mai sau.

Phòng thờ mang nhiều ý nghĩa sâu sắc:

Nơi thể hiện lòng quý trọng và biết ơn: Đây là không gian để con cháu tưởng nhớ, tri ân công lao của tổ tiên, ông bà đã khuất, cầu mong sự phù hộ, che chở cho gia đình.

Điểm tựa tinh thần: Đối với nhiều người, phòng thờ là nơi để tìm thấy sự bình yên, tĩnh tâm, gửi gắm những ước nguyện và hy vọng.

Giữ nền truyền thống văn hóa: Việc duy trì phòng thờ và các nghi lễ cúng tế giúp thế hệ sau hiểu rõ hơn về nguồn gốc, giữ gìn bản sắc và phát huy những nét đẹp văn hóa tâm linh của dân tộc.

Kết nối các thế hệ: Phòng thờ là nơi tụ tập của gia đình trong các dịp Lễ, Tết, Giỗ chạp,



Phòng thờ là nơi thể hiện lòng biết ơn, sự gắn kết và giữ bản sắc văn hóa của người Việt (Ảnh minh họa).

tạo sự gắn kết và truyền dạy những giá trị đạo đức cho con cháu.

Nơi linh thiêng hội tụ, kết nối cõi âm dương

Trong dòng ca văn hóa Việt, phòng thờ không chỉ là một góc nhỏ trong nhà mà là cả một vũ trụ thu nhỏ, nơi hội tụ linh khí, nơi xả kiết tình cảm và ký ức. Đây là không gian linh thiêng, nơi con cháu dâng lòng thành kính lên ông bà tổ tiên, cầu mong bình an và sức khỏe.

Bước vào phòng thờ, ta như lạc vào một địa điểm riêng, thoát ra và trầm mặc. Bàn thờ, nơi đặt ảnh vị, bát hương, được giải quyết tinh thần, ẩn chứa câu chuyện về sự

khéo léo của đôi bàn tay người thợ mộc, về tâm huyết của con cháu. Mỗi đường nét, mỗi hoa văn đều mang một ý nghĩa sâu xa: từ tứ linh (long, lân, quy, phụng) biểu tượng cho sự uy nghi, thịnh vượng, đến những họa tiết hoa sen thanh khiết, tượng trưng cho giác ngộ, hướng thiện.

Ánh sáng trong phòng thờ thường là ánh đèn vàng dịu nhẹ, hắt ra từ những chiếc đèn lồng hoặc đèn thờ làm bằng đồng, gốm sứ. Ánh sáng ấy không chỉ soi sáng mà còn mang theo hơi ấm của sự sống, của tình thân, xua đi những hơi thở, lạnh. Mùi hương trầm thoang thoang, thoang thoang vào không gian, dẫn lối tâm linh, tạo nên bầu không khí trang nghiêm, thanh sạch.

Những loại hoa tươi để cắm vào Bình hoa được chọn số lượng kỹ lưỡng, thường là hoa cúc, hoa huệ, hoa sen - những loài hoa mang ý nghĩa cát tường, thanh cao. Chúng không những tô điểm cho không gian thờ tự mà còn là biểu tượng của sự sống, sự tươi mới, dâng hiến đầu tiên của con cháu cho tất cả các ngài thần linh và gia tiên tiền tổ. Mâm ngũ quả đầy đủ, tượng trưng cho sung túc, đủ đầy, là thành quả lao động của con cháu, được dâng lên với lòng biết ơn vô hạn.

Bí ẩn của năng lượng và sự hài hòa

Từ góc độ khoa học dân gian, hay còn gọi là phong thủy, việc bài trí phòng thờ không chỉ là sắp đặt đồ vật mà là cả một nghệ thuật điều hòa năng lượng vũ trụ.

Vị trí phòng thờ là yếu tố tiên quyết. Theo quan niệm dân gian, nơi đặt bàn thờ phải là nơi tụ khí, tức là nơi có năng lượng tốt, tránh những nơi ẩm thấp, u tối hoặc gần những không gian ô nhiễm như nhà vệ sinh. Việc đặt bàn thờ ở vị trí cao nhất trong nhà,



Phòng thờ trong các gia đình Việt Nam (Ảnh minh họa).

hoặc ở một nơi không gian riêng biệt, chính là để đón nhận nguồn năng lượng dương, tạo ra sự tôn kính và thanh tịnh.

Hướng của bàn thờ được xác định dựa trên tuổi và mệnh của gia chủ, kèm theo nguyên lý bát quái, ngũ hành tương sinh tương giải. Một hướng tốt sẽ giúp thu hút tài lộc, sức khỏe và may mắn cho cả gia đình. Ngược lại, một hướng xấu có thể xử lý lại những điều không thể.

Kích thước bàn thờ cũng không nằm ngoài quy định này. Thước Lỗ, cùng những cung số đẹp như "Tài Vượng", "Quý Tử", "Thiên Đức", không chỉ là công cụ đo mà còn là một tấm bản đồ chỉ dẫn đến sự thịnh vượng, an lành. Mỗi con số đều mang một ý nghĩa riêng, được cho là ảnh hưởng trực tiếp đến vận mệnh của gia chủ.

Việc duy trì sự sạch sẽ, gọn gàng trong phòng thờ cũng là một dạng khoa học dân gian. Một không gian thanh khiết sẽ giúp luân chuyển khí tốt, tránh ứ đọng năng lượng cực cực. Thường xuyên lau dọn, thắp trầm, thay nước, thay hoa không chỉ là hành động tưởng nhớ mà còn là cách để duy trì một dòng năng lượng tích cực, mang lại sự bình an và hòa thuận cho gia đình.

Phòng thờ, trong cả nghệ thuật truyền thống và khoa học dân gian, là một biểu tượng sống động của lòng mọi người, là nơi giao hòa giữa quá khứ và hiện tại, giữa thế giới hữu hình và vô hình. Đó là không gian mà mỗi gia đình Việt đều trân trọng, một phần không thể thiếu của tâm hồn mình.

Trái tim an nhiên của ngôi nhà Việt

Phòng thờ không chỉ là một không gian vật lý, mà là trái tim tâm linh của mỗi ngôi nhà Việt, nơi nhịp đập truyền thống và tình yêu thương. Đó là khoảng tĩnh lặng vô biên giữa chiều sôi động của cuộc sống, nơi ta tìm về cội nguồn, có được những thứ ưu tư và cảm nhận được sự thiêng liêng của tổ tiên. Mỗi vật phẩm trên bàn thờ không đơn giản là đồ vật, mà là ký ức sống động, là lời thì thầm của quá khứ, nhắc nhở về công ơn dưỡng giáo dục, về dòng thờ huyết thống không ngừng nghỉ.

Tại đây, ánh sáng vàng dịu từ ngọn đèn dầu không chỉ xua đi bóng tối mà còn còn sưởi ấm tâm hồn, như ngọn lửa của tình thân luôn luôn cháy. Mùi hương trầm bay bổng, hòa quyện trong không gian, không chỉ thanh lọc không khí mà còn dẫn lối tâm hồn, đưa con cháu đến gần hơn với thế giới vô hình, nơi tổ tiên đang theo dõi và che chở. Đây là nơi mà mỗi nén hương thấp lên là một lời cầu nguyện, mỗi chén nước dâng lên là một tấm lòng thành kính, và mỗi bông hoa tươi là một nụ hôn tri ân. Phòng thờ chính là khoảng trời và không gian thanh tịnh mà mỗi thành viên trong gia đình đều có thể tìm thấy sự yên bình, gắn kết và sức mạnh tinh thần.

Bản giao hưởng của niềm tin và thời gian

Hãy hình dung phòng thờ như một bản giao trầm mặc định, nơi mỗi vật phẩm là một nốt nhạc, cùng hòa nên khúc ca của niềm tin và sự trường tồn.

Bàn thờ là dàn nhạc chính, được chế tác từ gỗ quý, mang vẻ đẹp mộc mạc nhưng ẩn chứa sự tái hiện của thời gian. Những đường nét giải quyết tinh thần trên bàn thờ không chỉ

là hoa văn trang trí mà là những biểu tượng mã hóa, kể về lịch sử dòng họ, về những ước vọng của con người về một cuộc sống lành mạnh, thịnh vượng. Mỗi vết chạm là một lời cầu nguyện được gửi đi bằng đôi bàn tay khéo léo của người nghệ nhân.

Bát hương, trung tâm của bản giao hưởng, là nơi hội tụ linh khí, nơi lời thỉnh cầu của con cháu được gửi đến đích siêu nhiên. Khi nén hương được thấp lên, hương nhẹ nhàng bay bổng, như những nốt trầm của đàn cello, tạo nên một không gian giao hòa giữa hiện tại và quá khứ.

Đôi đèn thờ hai bên như hai ngọn nến lung linh, là những dòng nhạc cao vút, dẫn lối ánh sáng tâm linh, soi sáng con đường cho tổ tiên về thăm con cháu và che chở cho gia đình. Bình hoa, mâm ngũ quả, chén nước... Tất cả đều là những giai điệu phụ họa, tạo nên sự hài hòa, đầy đặn cho bản giao hưởng. Hoa tươi mang đến sự tươi mới, sức sống; quả biểu tượng cho thành quả, sung túc; và nước trong là biểu tượng của sự thanh khiết, nguồn khởi đầu của sự sống.

Phòng thờ, với tất cả sự sắp xếp tỉ mỉ và ý nghĩa sâu xa, không chỉ là nơi thờ cúng mà còn là bảo tàng sống, nơi lưu giữ những giá trị văn hóa, nơi thế hệ sau học hỏi và tiếp nối truyền thống tốt đẹp của cha ông. Đó là minh chứng vĩnh cửu cho lòng biết ơn, sự gắn kết và niềm tin sắt son của con người Việt Nam.

Nơi thanh lọc tâm hồn theo góc độ tâm lý học không gian

Từ góc tâm lý học không gian, phòng thờ không chỉ là nơi đặt đồ vật mà còn là một không gian được thiết kế để tác tích cực đến trạng thái tinh thần và cảm xúc của con người.

Tạo cảm giác an toàn và yên bình: Vị trí của phòng thờ, thường là ở nơi cao an toàn, yên tĩnh, tách biệt khỏi tiếng ồn ào của sinh hoạt hàng ngày, tự động tạo ra một không gian an toàn. Sự tĩnh lặng, kết hợp với ánh sáng nhẹ nhàng (Thường là ánh đèn vàng ấm áp), giúp giảm căng thẳng, lo âu và thúc đẩy trạng thái thư giãn. Đây là nơi mà tâm trí

con người có thể "tạm dừng" và tìm thấy sự tĩnh tại.

Kích thích ký ức và cảm xúc cực cực: Sự hiện diện của ảnh thờ, bài vị và các vật phẩm gắn liền với tổ tiên đóng vai trò như những cảm xúc mới. Khi nhìn thấy, chạm vào hoặc chỉ đơn giản là ở trong không gian này, ký ức về người đã khuất, về những giá trị gia đình được kích hoạt. Điều này không chỉ nuôi dưỡng lòng biết ơn, hậu thảo mà còn mang lại cảm giác giác được kết nối, được che chở, từ đó củng cố sự bình an nội tại.

Củng cố ý thức về bản thân và nguồn gốc: Công việc dành thời gian trong phòng thờ, đặc biệt là trong các nghi lễ, giúp cá nhân nhận thức sâu sắc hơn về vị trí của mình trong dòng thờ gia đình, dòng tộc. Nó cũng cố ý thức về bản sắc và nguồn cội, mang lại sự tự tin và cảm giác thuộc về. Tâm lý học cho rằng, việc làm có một "nơi" vững chắc về mặt tinh thần sẽ giúp con người đối diện tốt hơn với những thử thách trong cuộc sống.

Thúc đẩy hành động hậu nghiệm và tự động: Không gian thanh tịnh của phòng khuyến khích sự thoải mái, tự tư vấn bản thân. Đây là nơi con người có thể suy ngẫm về hành động của mình, về ý nghĩa cuộc sống và tìm kiếm sự hướng dẫn từ những mạng lưới giá trị. Ánh sáng, mùi hương và sự yên tĩnh tạo điều kiện lý tưởng cho việc nội tỉnh, giúp củng cố tinh thần và định hướng cho tương lai.

Triết lý kiến trúc truyền thống trong ngôi nhà Việt

Trong truyền thống kiến trúc Việt Nam, phòng thờ không đơn giản là một căn phòng có thể xác định rõ lý do sống, tín hiệu và kỹ thuật sắp xếp không gian hoàn hảo.

Trung tâm năng lượng và trục linh thiêng: Trong kiến trúc nhà truyền thống (nhà ba gian hai chái, nhà rường...), gian giữa thường được dành cho không gian thờ cúng. Đây được xem là trụ linh thiêng của ngôi nhà, nơi hội tụ khí tốt và là điểm giao tiếp giữa người với thế giới tâm linh. Việc đặt bàn thờ ở vị trí trung tâm, hướng ra cửa chính hoặc hướng tốt theo phong thủy, không chỉ tuân

thủ nguyên tắc về năng lượng mà còn thể hiện sự tôn kính, trang trọng tuyệt đối.

Sử dụng vật liệu tự nhiên và thủ công tinh thần: Gỗ là vật liệu chủ đạo trong kiến trúc phòng thờ truyền thống. Gỗ tự nhiên mang lại cảm giác ấm cúng, gần gũi, và có tuổi thọ cao, tượng trưng cho sự bền vững của dòng họ. Các chi tiết khắc thủ công trên hoành phi, câu đối không chỉ là nghệ thuật mà còn là sự gửi tâm huyết, đức tin. Mỗi đường nét, tượng tượng (tứ linh, hoa lá, chữ Hán cổ) đều mang ý nghĩa biểu tượng biểu tượng sâu sắc, có thể hiện ước về phúc lộc, bình an, trường thọ.

Tính riêng tư và trang nghiêm trong thiết kế: Kiến trúc phòng thờ thường được thiết kế để đảm bảo sự riêng tư và trang nghiêm. Nó có thể là một khoảng cách riêng biệt, hoặc được ngăn cách bằng bình phong hoặc vách ngăn hoa văn. Điều này không chỉ giúp tạo ra không thiên nhiên mà còn thể hiện sự tôn trọng đối với thế giới tâm linh, tránh sự xâm phạm từ các không gian sinh hoạt ồn ào.

Hòa quyện với thiên nhiên (thuộc về kiến trúc): Trong một số kiến trúc truyền thống, phòng thờ có thể được thiết kế để có sự kết nối nhất định với thiên nhiên (ví dụ như có cửa sổ nhỏ nhìn ra vườn cây xanh, hoặc hồ cá). Mặc dù vẫn giữ sự riêng tư, yếu tố này giúp mang lại cảm giác thoáng đãng, hòa hợp với vũ trụ, tạo nên một không gian thanh tịnh và tràn đầy năng lượng sống.

Qua lăng kính tâm lý học không gian và kiến trúc truyền thống, phòng thờ không chỉ là nơi thờ cúng mà là một sản phẩm nghệ thuật tổng hòa của triết lý sống, niềm tin và sự sáng tạo của con người Việt Nam.

Phòng thờ không chỉ là nơi thờ cúng mà còn là nơi thể hiện lòng biết ơn tổ tiên, sự gắn kết và giữ bản sắc văn hóa của người Việt. Công việc thiết kế và bài trí phòng thờ hợp lý không chỉ mang lại sự an yên, may mắn cho gia đình mà còn góp phần giữ những giá trị truyền thống tốt đẹp cho các thế hệ mai sau./.

MỘT SỐ THẮNG TÍCH TIÊU BIỂU CỦA XỨ THANH

Mạnh Hà

Thanh Hóa là một trong những cái nôi của văn hóa dân tộc. Điều kiện lịch sử, tự nhiên đã tạo tiền đề cho xứ Thanh sớm trở thành một vùng thắng tích tiêu biểu. Di tích trên đất Thanh Hóa phân bố trên diện rộng, từ vùng ven biển, núi cao đến khu vực chuyển tiếp đồng bằng với vùng núi và đồng bằng châu thổ tạo nên một vùng thắng tích nổi bật nơi địa đầu “khúc ruột miền Trung”, cửa ngõ phía Nam châu thổ sông Hồng. Thắng tích Thanh Hóa là sự kết hợp hài hòa di sản thiên nhiên và sự sáng tạo của bàn tay con người khiến cho thiên nhiên nơi đây đậm tính nhân văn.

Xứ Thanh có rừng, có biển, có đồng bằng châu thổ rộng lớn, sự đa dạng về tự nhiên đã tạo nên nhiều cảnh quan hùng vĩ, tươi đẹp như: Cửa Thần Phù, biển Sầm Sơn, Lạch Bạng, núi Hàm Rồng, núi Nưa, Pù Luông... Trong đó, Sầm Sơn và Pù Luông tiêu biểu cho “Biển bạc rừng vàng” của Thanh Hóa.



Pù Luông được xem là “Sa Pa của khu vực bắc miền Trung” (Ảnh sưu tầm).

Đất nước Việt Nam với hơn hai nghìn km đường bờ biển và rất nhiều đảo chìm, đảo nổi đã “nức tiếng” với những bãi biển đẹp, những khu nghỉ mát, du lịch sâm uất như Hạ Long (Quảng Ninh), Đồ Sơn (Hải Phòng), Cửa Lò (Nghệ An); Nha Trang (Khánh Hòa); Vũng Tàu (Thành phố Hồ Chí Minh)... Trong hệ thống cảnh quan bãi biển cửa sông này, Sầm Sơn (Thanh Hóa) được xem là một bãi biển lý tưởng.

Các nhà khoa học khi nghiên cứu về môi trường sinh thái đã tiến hành phân tích, đối

chiều, so sánh các thông số về độ mịn của cát, hàm lượng muối trong nước biển, chế độ thủy triều, độ dốc của bãi biển, các chỉ số về sóng, gió, ánh sáng mặt trời... và đi đến kết luận: Sầm Sơn có những ưu điểm vượt trội so với các bãi biển khác trên dải đất hình chữ S, mỗi năm thu hút hàng vạn khách thập phương.

Sầm Sơn không chỉ là nơi nghỉ mát mà còn là điểm du lịch sinh thái đậm tính văn hóa. Núi Sầm với mũi Cổ Dải đâm chân trong nước biển, vươn dài ra biển khơi đã tạo nên một “hòn non bộ” khổng lồ. Trên “hòn non bộ” đó là không ít tạo vật đặc sắc, trong đó “hòn Trống Mái” được “thợ trời” tạo dựng là điểm sáng của non nước nơi đây. Đã có một thời gian dài, hòn Trống Mái trở thành “điểm nhấn” du lịch, biểu tượng cho khu vực Bắc miền Trung trên màn ảnh nhỏ.

Cùng với cảnh quan tự nhiên, trên núi Trường còn có những di tích lịch sử - văn hóa nổi tiếng như đền thờ Thánh Độc Cước trên đỉnh hòn Cổ Dải, đền thờ Thái Úy nhà Lý Tô Hiến Thành, đền Cô Tiên và đặc biệt là nơi Bác Hồ đã cùng ngư dân Sầm Sơn kéo lưới đánh cá. Đại điểm này đã trở thành di tích kỷ niệm về vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

Miền núi xứ Thanh có nhiều cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ. Trong đó, Pù Luông - “Sa Pa của khu vực bắc miền Trung” được xem là một trong những phát hiện của thế kỷ.

Pù Luông thuộc xã Pù Luông, trong không gian của vùng giáp ranh ba tỉnh: Thanh Hóa - Sơn La - Phú Thọ. Pù Luông nằm trong hệ thống núi tây bắc Việt Nam, kéo dài từ Sơn La, qua Phú Thọ đến miền Tây Thanh Hóa, theo hướng Đông chạy tới biển. Tự nhiên đã kiến tạo ở đây một thắng tích “thống nhất đa dạng” của vùng sinh thái đa tạp.

Pù Luông hội tụ các núi đá vôi cao nhất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa với nhiều đỉnh cao từ trên 800m đến 1.000m. Đỉnh Pù Luông cao nhất là 1.587m so với mực nước biển. Các núi đá vôi có tuổi Trias (thuộc

Trung sinh), không ít địa điểm đã biến chất, tạo thành các “bông hoa đá” đa dạng về màu sắc. Quá trình phong hóa và kiến tạo địa chất phức tạp không chỉ tạo cho Pù Luông địa hình hiểm trở, ngoạn mục: vực sâu, sông ngầm, phễu caxtơ, hang động... mà còn tạo nên những thềm bậc xen giữa các khoảng núi đá, từ đó hình thành các bản người Thái, người Mường.

Pù Luông nằm trong không gian và hệ sinh thái kéo dài từ Mai Châu (Phú Thọ) nối với Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Sơn và vườn quốc gia Cúc Phương tạo thành “liên khu sinh thái” Pù Luông - Cúc Phương, được đánh giá là mẫu quan trọng mang tính toàn cầu về hệ sinh thái Karst, là khu vực đất thấp duy nhất còn lại rừng sinh cảnh núi đá vôi ở miền bắc Việt Nam. Đây là khu vực núi đá vôi rộng nhất trên đất nước ta, một điển hình về hệ sinh thái núi đá vôi.

Pù Luông có 598 loài động vật thuộc 150 họ có xương sống, trong đó có 51 loài quý hiếm (gồm 26 loài thú, 5 loài dơi, 6 loài chim, 5 loài cá nước ngọt, 6 loài bò sát). Trong số này có tới 36 loài được ghi trong sách đỏ của Việt Nam và thế giới, đặc biệt có tới 13 loài bị đe dọa tuyệt chủng trên phạm vi toàn cầu. Hệ côn trùng có ít nhất 158 loài bướm, 96 loài thân mềm trên cạn trong đó có 12 loại thân mềm có thể là đặc hữu cho khu vực.

Hệ thực vật ở Pù Luông hết sức đa dạng với các cây “siêu cổ thụ” cho đến các loại gỗ quý hiếm gần như chỉ còn sót lại trong rừng già ẩm ướt, quanh năm thiếu ánh mặt trời. Rừng nguyên sinh ở Pù Luông là loại rừng kín nhiệt đới, lá xanh theo mùa gồm: rừng lá rộng đất thấp trên núi đá vôi, rừng lá rộng trên các phiến thạch, sa thạch, đất sét... rừng lá rộng chân núi đá vôi, rừng lá kim chân núi đá vôi và rừng lá rộng chân núi ba-zan.

Trong các dãy núi đá vôi có nhiều hang động: hang Kho Mường, hang Dơi, hang

Pó Mường là những hang rộng, thoáng có nhiều nhũ đẹp rất thuận lợi cho hoạt động của người nguyên thủy. Nếu tiến hành điều tra khảo cổ học có thể phát hiện dấu tích cư trú của con người thời tiền sử như động Người Xưa ở vườn quốc gia Cúc Phương.

Các bản người Thái, người Mường trong không gian Pù Luông có lịch sử lâu đời, còn bảo lưu nhiều văn hóa vật thể, phi vật thể truyền thống. Có thể xem địa điểm cư trú của đồng bào thiểu số là “Bảo tàng dân tộc học” cho việc nghiên cứu văn hóa tộc người trong điều kiện những “hóa thạch văn hóa” ít bị tác động từ bên ngoài. Du lịch Pù Luông tạo điều kiện tiếp cận và khám phá nhiều trầm tích văn hóa Thái, văn hóa Mường với các loại hình diễn xướng, dân ca cũng như đặc sản văn hóa ẩm thực vùng cao.

Thành nhà Hồ (còn gọi là thành Tây Đô) là một trong những di sản văn hóa Việt Nam được UNESCO vinh danh. Thành được nhà Hồ xây dựng trên địa bàn xã Tây Đô. Thành có nhiều tên gọi khác nhau: Khởi đầu là thành An Tôn, rồi thành Nhà Hồ, thành Tây Giai, thành Tây Đô... Đến nay, tòa thành đã vĩ địa đã đi vào từ điển văn hóa nhân loại với tên gọi thành Tây Đô.

Thành Tây Đô ở phía tây bắc tỉnh Thanh Hóa, trong không gian chuyển tiếp từ vùng núi xuống đồng bằng mang dấu ấn của vùng châu thổ sông Mã. Thành được xây dựng vào cuối thế kỷ XIV (năm 1397) do Hồ Quý Ly - nhân vật lịch sử có sự gắn bó, am tường vùng đất, có ý chí, tham vọng, nắm quyền gần như cao nhất trong triều đình nhà Trần - chỉ đạo xây dựng.

Trong lịch sử thành cổ Việt Nam, Tây Đô không phải là tòa thành được xây dựng sớm nhất, có quy mô lớn nhất nhưng được tiếp thu, kế thừa những giá trị truyền thống và phát triển cao hơn, là điển hình cho tư duy sáng tạo của người Việt Nam. Thành gồm hai vòng: Thành nội và Thành ngoại.

Thành ngoại chủ yếu dựa vào tự nhiên, liên kết các dải đồi thấp, đê sông và sự hợp

dòng của sông Bưởi với sông Mã tạo thành hệ thống phòng ngự vòng ngoài. Thành nội có hình vuông, lệch nhau khoảng 3m (chiều Bắc - Nam là 860m, chiều Đông - Tây là 863m).

Thành có 4 cửa theo bốn hướng: Đông - Tây - Nam - Bắc. Cửa của Đông, Tây, Bắc là loại cửa đơn, riêng cửa Nam (cửa tiền) có 3 lối đi vào, lối giữa dành cho vua, hai bên dành cho bá quan văn võ. Các cửa thành được xây dựng theo kiểu cuốn vòm bằng các khối đá lớn hình chữ nhật, vuông thành sắc cạnh, mài nhẵn, ghép khít vào nhau. Các khối đá cuốn vòm cửa được đẽo thành hình “múi bưởi” để tăng độ chịu lực và tạo vòm cho cửa. Đá xây thành có kích thước, trọng lượng lớn, có khối nặng tới hơn 10 tấn. Trong điều kiện lao động thủ công thời bấy giờ, việc khai thác, vận chuyển, lắp đặt lên cao là công việc rất mệt nhọc, đòi hỏi óc sáng tạo của người chỉ huy. Nhiều vấn đề về kỹ thuật, mỹ thuật xây dựng thành đến nay vẫn còn là bí ẩn chờ được giải mã.

Thành nội được đắp bằng đất trộn đá cuội nhỏ, phía ngoài được bao bởi các khối đá lớn. Mặt cắt thành Tây Đô hình thang vuông, phía ngoài thẳng đứng, phía trong dốc thoải. Thành cao từ 6,5-8m, mặt thành rộng trung bình 5,5m, chân thành rộng từ 15-16m, phía trên mặt thành được xây thêm gạch.

Nét đặc biệt của tường thành là việc dùng đá khối lớn hình chữ nhật vuông vắn có khối lượng đồ sộ, trung bình nặng từ 6-8 tấn, cá biệt có khối hơn 20 tấn xây phía ngoài của tường thành. Thiết kế này giúp tường thành không bị lở, tạo được mặt phẳng đứng, hỗ trợ cho việc phòng thủ. Học giả nước ngoài khi nghiên cứu về tường thành đã phải thốt lên: Thành Tây Đô là mẫu mực về việc sử dụng những khối đá to lớn được đẽo gọt và ghép một cách tài tình. Quy mô tòa thành cho thấy đã có hàng triệu khối đất, đá được đào đắp, khai thác, vận chuyển đến để xây dựng thành. Kỳ tích này được hoàn thành trong thời gian huyền thoại là 3 tháng.



Lễ hội Lam Sơn được tiến hành 3 ngày, từ 21 đến 23 tháng 8 Âm lịch tại Khu di tích Lam Kinh (Ảnh sưu tầm).

Trong không gian thành Tây Đô còn là các công trình khác như đàn tế Nam Giao, xưởng đúc tiền, làng hoa cùng mạng lưới đường xá được xây dựng trong quá trình đô thành hóa khu vực.

Cùng với thành Tây Đô, xứ Thanh còn rất nhiều di sản văn hóa được xếp hạng là Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia tiêu biểu là di tích Lam Kinh. Lam Kinh được xếp hạng trong đợt đầu của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đến nay được nâng cấp thành Di tích đặc biệt quan trọng.

Quần thể kiến trúc Lam Kinh thuộc xã Lam Sơn. Di tích có liên quan đến dòng họ Lê Lợi từ khi dựng nghiệp, là cái nôi của khởi nghĩa lam Sơn và cũng là Lam Kinh - Tây Kinh của quốc gia Đại Việt. Lam Kinh hội tụ những giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hóa vùng đất Lam Sơn và vương triều hậu Lê từ buổi sáng nghiệp đến thời Trung hưng trong “Kỳ nhà Lê”.

Không gian văn hóa vùng núi Lam là nơi tiến hành các lễ hội văn hóa truyền thống hàng năm với nhiều lễ thức, diễn xướng nhằm tôn vinh, tưởng nhớ công đức của anh hùng dân tộc Lê Lợi trong sự nghiệp bình Ngô. Lễ hội Lam Sơn được tiến hành 3

ngày, từ 21 đến 23 tháng 8 Âm lịch là lễ hội văn hóa - lịch sử lớn nhất xứ Thanh.

Trung tâm di sản Lam Kinh là khu điện miếu Lam Kinh, đền thờ, lăng mộ các vị vua triều Lê sơ. Khu điện miếu gồm: hồ bán nguyệt, nghi môn, sân điện, tòa đại điện Diên Khánh, tòa Thái miếu và các công trình có liên quan đến chính điện Lam Kinh... được xây dựng trong nhiều năm, từng bước hoàn thiện trong triều Lê sơ trở thành kinh đô thứ hai (Tây Kinh)

của vương triều hậu Lê. Các công trình này không chỉ tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc, mỹ thuật thời Lê sơ mà còn phản ánh bước chuyển của mỹ thuật truyền thống dân tộc từ thời Trần sang thời Lê và quá trình dân gian hóa nghệ thuật trong thời Lê Trung Hưng.

Cũng với điện miếu là các lăng mộ, bia ghi công đức của các vị Hoàng đế, Hoàng hậu của vương triều như lăng Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông, Lê Thánh Tông, Lê Hiến Tông, Lê Túc Tông, Hoàng Thái Hậu Ngô Thị Ngọc Dao... Các khối bia cùng tượng quan hầu, tượng thú dựng ở các lăng được xem là những tác phẩm điêu khắc có giá trị mang dấu ấn nghệ thuật Lê sơ.

Song song với việc tôn tạo khu điện miếu, lăng mộ... một bảo tàng Lam Sơn cũng được xây dựng. Cung điện, lầu son gác tía xưa, nay đang được đầu tư tôn tạo để xứng đáng là khu di tích đặc biệt quan trọng, điểm đến hấp dẫn của các du khách du lịch xuyên Việt.

Vùng thắng tích Thanh Hóa với những di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu phản ánh chiều sâu của văn hóa, bề dày của lịch sử là tài sản vô giá của dân tộc./.